Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 27.02.2020 14:17:53 +07:00

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH TÂY NINH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 52 /BC-UBND | *Tây Ninh, ngày 26 tháng 02 năm 2020* |

# BÁO CÁO CẬP NHẬT
## Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2019 và kế hoạch năm 2020

Thực hiện báo cáo định kỳ cập nhật tình hình đầu tư nước ngoài năm 2019 và kế hoạch năm 2020, UBND tỉnh Tây Ninh xin báo cáo như sau:

## I. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI NĂM 2019

### 1. Tình hình cấp và điều chỉnh dự án đầu tư

### 1.1 Tình hình cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

a. Tình hình cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: 35 dự án với vốn đầu tư 860,2 triệu USD, tăng 16,67% về số dự án và tăng 89,76% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ; trong đó:

- Ngoài KCN, KKT: 01 dự án với vốn đầu tư 60 triệu USD;
- Trong KCN: 28 dự án với vốn đầu tư 617,25 triệu USD;
- Trong KKT: 06 dự án với vốn đầu tư 182,95 triệu USD.

b. Đánh giá: việc Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được thực hiện đúng theo quy định.

### 1.2 Tình hình điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

a. Tình hình điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

* Tăng vốn: 33 lượt dự án tăng vốn đầu tư với số vốn tăng 391,19 triệu USD, tăng 21,27% về vốn so với cùng kỳ; trong đó:

- Ngoài KCN, KKT: 01 lượt dự án với vốn đầu tư 2,5 triệu USD;
- Trong KCN: 29 lượt dự án với vốn đầu tư 374,373 triệu USD;
- Trong KKT: 03 lượt dự án với vốn tăng 14,315 triệu USD.

* Giảm vốn: 3 lượt dự án giảm vốn đầu tư với số vốn giảm 50,82 triệu USD.

- Ngoài KCN, KKT: 01 lượt dự án với vốn đầu tư 2,022 triệu USD;
- Trong KCN: 01 lượt dự án với vốn đầu tư 40 triệu USD;
- Trong KKT: 01 lượt dự án với vốn tăng 8,8 triệu USD.

b. Đánh giá: việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đúng quy định.

**1.3 Tình hình góp vốn, mua cổ phần**: trong năm 2019 có 10 lượt nhà đầu tư nước ngoài đăng ký góp vốn, mua cổ phần trong tổ chức kinh tế với vốn đăng ký là 28,49 triệu USD.

**1.4 Kết quả thu hút đầu tư nước ngoài**

Thu hút đầu tư nước ngoài năm 2019 đạt 1.200,57 triệu USD, tăng 54,73% so với cùng kỳ.

**1.5 Tình hình thu hồi, chấm dứt hoạt động của các dự án**

a. Tình hình thu hồi: 06 dự án chấm dứt hoạt động với vốn đăng ký 15,32 triệu USD.

- Ngoài KCN, KKT: 1 dự án với vốn đăng ký 3 triệu USD.

- Trong KCN: 5 dự án với vốn đăng ký 12,32 triệu USD.

- Trong KKT: không có.

b. Đánh giá: việc thu hồi, chấm dứt hoạt động của các dự án được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định.

Đến nay, tỉnh Tây Ninh có 320 dự án đầu tư nước ngoài với vốn đăng ký: 6.967,4 triệu USD.

**2. Tình hình triển khai thực hiện dự án**

**2.1 Vốn thực hiện**

a. Tình hình thực hiện

- Vốn thực hiện đạt 430,2 triệu USD, bằng 105,5% so với cùng kỳ; bao gồm: Ngoài KCN, KKT: 5 triệu USD; Trong KCN, KKT: 425,2 triệu USD.

- Vốn thực hiện lũy kế trên địa bàn tỉnh năm 2019 đạt khoảng 3.574/6.967,4 triệu USD, chiếm 51,3% tổng vốn đăng ký.

b. Đánh giá: Phần lớn các dự án tiến hành triển khai thực hiện tương đối tốt.

**2.2 Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh**

a) Chỉ tiêu doanh thu, xuất khẩu, nộp ngân sách và lao động

+ Doanh thu: 4.045,15 triệu USD, tăng 15% so với cùng kỳ;

+ Xuất khẩu: 4.549,11 triệu USD, tăng 24% so với cùng kỳ;

+ Nhập khẩu: 2.987,65 triệu USD, bằng 92,46% so với cùng kỳ;

+ Lao động cuối kỳ: 150.558 lao động; tăng 11,25% so với cùng kỳ;

+ Nộp ngân sách: 41,74 triệu USD; tăng 31,88% so với cùng kỳ.

b) Đánh giá

Thu hút đầu tư năm 2019 tăng cao so với cùng kỳ (tăng 54,7%), trong đó chỉ tiêu vốn đầu tư cấp mới và tăng vốn đều tăng so với cùng kỳ. Tỉnh đã thu hút được một số dự án có vốn đầu tư lớn như: dự án sản xuất sợi, vải dệt kim và dệt thoi Fenqiang Việt Nam với vốn đầu tư 113 triệu USD, dự án nhà máy sản xuất sợi Lu Thai (Tân Châu) với vốn đầu tư 60 triệu USD. Một số dự án có vốn đầu tư lớn tiếp tục tăng thêm vốn, dự án nhà máy sản xuất polyester và sợi tổng hợp Billion Việt Nam tăng 138 triệu USD, nâng tổng vốn đầu tư thành 358 triệu USD; dự án nhà máy sợi, vải Lu Thai (Việt Nam) của Công ty TNHH May mặt Lu An tăng 60 triệu USD, nâng tổng vốn đầu tư thành 360 triệu USD.

Hầu hết các chỉ tiêu hoạt động của dự án đều tăng so với cùng kỳ: vốn đầu tư thực hiện, doanh thu, xuất khẩu, lao động, nộp ngân sách.

**2.3 Các khó khăn, vướng mắc**

Hiện nay, Luật Đầu tư và Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư không quy định khi tiếp nhận hồ sơ mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế phải lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan trừ những trường hợp những ngành không được cam kết trong Tổ chức Thương mại thế gới (WTO). Do đó khi xem xét chấp thuận mua phần vốn góp, Sở Kế hoạch và Đầu tư chỉ xem xét theo ngành nghề mà không xem xét theo địa điểm thực hiện dự án (một số trường hợp dự án được thực hiện tại địa bàn xã biên giới, nhạy cảm, ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng).

Theo quy định của mẫu I.4 Thông tư 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư không quy định nhà đầu tư phải giải trình những nội dung về địa điểm thực hiện dự án, chỉ quy định nội dung giải trình theo ngành nghề kinh doanh, đồng thời về thành phần hồ sơ không quy định nộp kèm theo tài liệu liên quan đến địa điểm thực hiện dự án. Do đó, trường hợp nếu Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư có thông báo chấp thuận cho nhà đầu tư nước ngoài mua phần vốn góp trong doanh nghiệp và Công ty này thực hiện dự án tại địa bàn xã biên giới, nhạy cảm, ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng thì khi điều chỉnh dự án có thuộc hoặc không thuộc trường hợp phải lấy ý kiến của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và Bộ Ngoại giao.

Tương tự, trường hợp Công ty có địa chỉ trụ sở chính tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nhưng thực hiện dự án đầu tư tại địa phương khác nơi đăng ký trụ sở chính; vị trí thực hiện dự án tại khu vực biên giới, nhạy cảm, ảnh hưởng về an ninh, quốc phòng.

Tuy nhiên, khi xem xét chấp thuận việc mua phần góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty, Sở Kế hoạch và Đầu tư tại địa phương nơi Công ty đăng ký trụ sở chính không có thông tin về dự án đầu tư của doanh nghiệp này, đặc biệt là các dự án do doanh nghiệp đầu tư tại tại địa bàn xã biên giới, nhạy cảm, ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng của địa phương khác. Đồng thời, cũng không quy định phải lấy ý kiến Sở Kế hoạch và Đầu tư nơi Công ty thực hiện dự án đầu tư.

Trường hợp, sau khi Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tại địa phương nơi Công ty đăng ký trụ sở chính có thông báo chấp thuận cho nhà đầu tư nước ngoài mua phần vốn góp, sau đó Công ty thực hiện điều chỉnh dự án tại địa phương khác thì thuộc hoặc không thuộc trường hợp phải lấy ý kiến của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và Bộ Ngoại giao.

**2.4 Kiến nghị**: Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét bổ sung thành phần hồ sơ về đất đai, địa điểm thực hiện dự án đầu tư trong thủ tục góp vốn, mua cổ phần. Hướng dẫn về việc điều chỉnh những dự án tại xã biên giới, nhạy cảm, ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng sau khi đã Công ty đã tiếp nhận nhà đầu tư nước ngoài.

## II. KẾ HOẠCH NĂM 2020

### 1. Định hướng

- Vốn thu hút: đạt khoảng 1.235 triệu USD; tăng 3% so với cùng kỳ.

- Vốn đầu tư thực hiện: 445 triệu USD, tăng 3% so với cùng kỳ;

- Doanh thu: 4.200 triệu USD, tăng 3% so với cùng kỳ;

- Xuất khẩu: 4.700 triệu USD, tăng 3% so với cùng kỳ;

- Nhập khẩu: 3.100 triệu USD, tăng 3% so với cùng kỳ;

- Lao động cuối kỳ: 155.000 lao động, tăng 3% so với cùng kỳ;

- Nộp ngân sách: 43,5 triệu USD, tăng 4% so với cùng kỳ.

**2. Giải pháp thực hiện**

Tăng cường công tác mời gọi đầu tư theo hướng chú trọng chất lượng hơn về số lượng. Ưu tiên thu hút các dự án có công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường; đa dạng các quốc gia và vùng, lãnh thổ khác nhau, đa dạng ngành nghề đầu tư.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực môi trường, hệ thống xử lý nước thải của các khu công nghiệp, khu kinh tế.

Thực hiện tốt việc phối hợp thực hiện công tác quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài giữa các Bộ, ngành và địa phương.

Chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực phục vụ trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ cao.

## III. BÁO CÁO TRỰC TIẾP TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN QUỐC GIA VỀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh đã hoàn thành việc upload báo cáo trên hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo các biểu báo cáo: biểu 6, biểu 7, biểu 8, biểu 9./.

***Nơi nhận:***
- Bộ KHĐT;
- CT UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Sở KHĐT; BQLKKT;
- LĐVP; KTTC;
- Lưu: VT VP.

Trúc 04 5

**KT.CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Ngọc

**UBND tỉnh Tây Ninh**
Ngày báo cáo: 15/2 của năm sau

**Nơi nhận:** Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Đầu tư nước ngoài)
(Fax: 04-3734 3769; e-mail: tonghop.dtnn@mpi.gov.vn)

# BIỂU 6: BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI NĂM 2019

*(Áp dụng với UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)*

| Mã chỉ tiêu | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện năm báo cáo | | | | | Dự kiến năm sau năm báo cáo | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Thực hiện năm trước | Kế hoạch | Thực hiện cả năm | TH so KH (%) | TH so với TH năm trước (%) | Kế hoạch | So cùng kỳ (%) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7 = 6/5* | *8 = 6/4* | *9* | *10=9/6* |
| **A** | **TÌNH HÌNH THỰC HIỆN** | | | | | | | | |
| A1 | Vốn đầu tư thực hiện | Triệu USD | 407,74 | 430,00 | 430,20 | 100,05 | 105,51 | 445,00 | 103,44 |
| A2 | Trong đó, từ nước ngoài | Triệu USD | 299,66 | 320,00 | 337,29 | 105,40 | 112,56 | 350,00 | 103,77 |
| A3 | Doanh thu | Triệu USD | 3517,23 | 3700,00 | 4045,15 | 109,33 | 115,01 | 4200,00 | 103,83 |
| A4 | Xuất khẩu | Triệu USD | 3662,87 | 3900,00 | 4549,11 | 116,64 | 124,20 | 4700,00 | 103,32 |
| A5 | Nhập khẩu | Triệu USD | 3231,26 | 3400,00 | 2987,65 | 87,87 | 92,46 | 3100,00 | 103,76 |
| A6 | Số lao động vào cuối kỳ báo cáo | người | 135333,00 | 142000,00 | 150558,00 | 106,03 | 111,25 | 155000,00 | 102,95 |
| A7 | Nộp ngân sách | Triệu USD | 31,65 | 34,00 | 41,74 | 122,76 | 131,88 | 43,50 | 104,22 |
| **B** | **Tình hình cấp GCNĐT** | | | | | | | | |
| **B1** | **Dự án cấp mới** | | | | | | | | |
| B1.1 | Số dự án mới | dự án | 30,00 | 32,00 | 35,00 | 109,38 | 116,67 | 36,00 | 102,86 |
| B1.2 | Vốn đăng ký | Triệu USD | 453,32 | 480,00 | 860,20 | 179,21 | 189,76 | 855,00 | 99,40 |
| **B2** | **Dự án điều chỉnh vốn** | | | | | | | | |
| B2.1 | Dự án tăng vốn | lượt dự án | 30,00 | 30,00 | 33,00 | 110,00 | 110,00 | 33,00 | 100,00 |
| B2.2 | Vốn đăng ký tăng thêm | Triệu USD | 322,58 | 362,00 | 391,19 | 108,06 | 121,27 | 380,00 | 97,14 |
| B2.3 | Dự án giảm vốn | lượt dự án | 0,00 | 0,00 | 3,00 | #DIV/0! | #DIV/0! | 0,00 | 0,00 |
| B2.4 | Vốn đăng ký giảm | Triệu USD | 0,00 | 0,00 | 50,82 | #DIV/0! | #DIV/0! | 0,00 | 0,00 |
| **B3** | **Vốn cấp mới và tăng thêm** | **Triệu USD** | **775,90** | **842,00** | **1200,57** | **142,59** | **154,73** | **1235,00** | **102,87** |
| **C** | **Tình hình thu hồi GCNĐT** | | | | | | | | |
| C1 | Số dự án | dự án | 11,00 | Không áp dụng | | | | | |
| C2 | Vốn đăng ký | Triệu USD | 130,87 | | | | | | |

**UBND tỉnh Tây Ninh**
Ngày báo cáo: 14/02/2020

**Nơi nhận:** Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Đầu tư nước ngoài)
(Fax: 024-3734 3769; e-mail: tonghop.dtnn@mpi.gov.vn)

# BIỂU 7: BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI NĂM 2019
## Từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2019

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án | Tên dự án | Vốn thực hiện cộng dồn đến quý III năm 2019 (USD) | Thực hiện lũy kế từ đầu năm đến cuối năm 2019 | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Vốn thực hiện (USD) | Vốn từ nước ngoài (USD) | Doanh thu (USD) | Xuất khẩu (USD) | Nhập khẩu (USD) | Lao động (người) | Nộp ngân sách (USD) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 1 | 7660048640 | 04/10/2000 | CÔNG TY TNHH CƠ GIỚI TRỌNG NGUYÊN | NHÀ MÁY SẢN XUẤT KHUÔN CƠ GIỚI TRỌNG NGUYÊN | 2.000.000 | 0 | 0 | 1.066.517 | 300.930 | 0 | 61 | 9.054 |
| 2 | 452043000101 | 13/11/2000 | CÔNG TY TNHH DỤNG CỤ THỂ THAO KIỀU MINH | NHÀ MÁY SẢN XUẤT BÓNG THỂ THAO CÁC LOẠI | 6.500.000 | 0 | 0 | 20.641.770 | 20.641.770 | 6.591.395 | 1.528 | 23.655 |
| 3 | 6593669347 | 14/12/2000 | Cty TNHH Hoa Hưng, sx hộp quẹt ga | CTY TNHH HOA HƯNG, SX HỘP QUẸT GA | 1.031.226 | 0 | 0 | 0 | 6.354 | 0 | 2 | 837 |
| 4 | 3213486642 | 19/12/2000 | CÔNG TY TNHH PARK CORP. (VIỆT NAM). | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG VALI, TÚI XÁCH CÁC LOẠI. | 5.879.989 | 0 | 0 | 11.967.748 | 11.677.573 | 6.855.329 | 903 | 68.418 |
| 5 | 452043000019 | 22/12/2000 | CÔNG TY TNHH JUNG KWANG VIỆT NAM | NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIA CÔNG HÀNG MAY MẶC JUNG KWANG VIỆT NAM | 2.114.245 | 0 | 0 | 5.127.785 | 19.539.059 | 12.499.211 | 520 | 63.196 |
| 6 | 4336541627 | 27/12/2000 | CÔNG TY TNHH CAO SU THỜI ÍCH | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VỎ RUỘT XE THỜI ÍCH | 26.800.000 | 0 | 0 | 19.442.594 | 17.293.530 | 10.324.908 | 635 | 110.978 |
| 7 | 452043000039 | 10/07/2001 | Cty TNHH J&D Vinako | CTY TNHH J&D VINAKO, SXKD HÀNG DỆT KIM, Q.ÁO ... | 2.800.000 | 0 | 0 | 2.591.720 | 5.373.000 | 14.284.000 | 880 | 33.559 |
| 8 | 452043000107 | 22/08/2001 | CÔNG TY TNHH PHONG HÒA VIỆT NAM | NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHÔI VÀNG, PHÔI BẠC, PHÔI ĐỒNG | 1.307.361 | 0 | 0 | 1.470.000 | 1.470.000 | 1.364.831 | 48 | 162 |
| 9 | 8707606244 | 09/10/2001 | Cty tre gia dụng xuất khẩu Long Tre | NHÀ MÁY SẢN XUẤT TRE GIA DỤNG XUẤT KHẨU LONG TRE | 1.500.000 | 0 | 0 | 6.760.111 | 6.693.851 | 3.213.136 | 325 | 35.375 |
| 10 | 5471015151 | 22/10/2001 | | NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG MAY MẶC KOVINA FASHION | 7.400.000 | 0 | 0 | 5.640.000 | 5.640.000 | 12.744.000 | 683 | 36.274 |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án | Tên dự án | Vốn thực hiện cộng dồn đến quý III năm 2019 (USD) | Thực hiện lũy kế từ đầu năm đến cuối năm 2019 | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Vốn thực hiện (USD) | Vốn từ nước ngoài (USD) | Doanh thu (USD) | Xuất khẩu (USD) | Nhập khẩu (USD) | Lao động (người) | Nộp ngân sách (USD) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 11 | 452043000097 | 25/10/2001 | CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN GỖ TRIỀU SƠN | NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐỒ GỖ TRIỀU SƠN | 1.735.463 | 0 | 0 | 325.600 | 500.000 | 0 | 43 | 130 |
| 12 | 5408027145 | 08/11/2001 | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HOÀNG ĐẠT | NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐỒ GIA DỤNG TỪ SẮT, NHÔM, KÍNH, NHỰA VÀ GỖ | 3.000.000 | 0 | 0 | 67.200 | 0 | 0 | 0 | 2.853 |
| 13 | 452023000065 | 31/12/2001 | Công ty TNHH D&F Việt Nam | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG HÀNG MAY MẶC | 4.400.000 | 0 | 0 | 1.807.480 | 1.807.480 | 557.975 | 487 | 99.581 |
| 14 | 6553711524 | 31/12/2001 | CÔNG TY TNHH DỆT MAY HOA SEN | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG HÀNG MAY MẶC CÁC LOẠI. | 22.000.000 | 0 | 0 | 26.030.000 | 89.775.430 | 41.927.250 | 3.098 | 299.171 |
| 15 | 6534166832 | 21/02/2002 | Cty TNHH đầu tư thể thao Toàn Năng | NHÀ MÁY SẢN XUẤT DỤNG CỤ THỂ THAO | 1.300.000 | 0 | 0 | 2.163.600 | 2.163.600 | 343.920 | 229 | 1.560 |
| 16 | 452043000077 | 07/05/2002 | CÔNG TY TNHH TĂNG HƯNG | NHÀ MÁY SẢN XUẤT 1 | 848.840 | 0 | 0 | 386.451 | 386.451 | 4.608 | 23 | 2.116 |
| 17 | 9891424377 | 22/10/2002 | CÔNG TY TNHH PHÚ CƠ | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG DỤNG CỤ CẦM TAY | 3.500.000 | 0 | 0 | 3.015.176 | 2.654.805 | 2.736.743 | 173 | 10.422 |
| 18 | 7638065533 | 11/11/2002 | CÔNG TY TNHH HEAVY HITTER | NHÀ MÁY SẢN XUẤT DỤNG CỤ CƠ KHÍ CẦM TAY | 1.312.809 | 0 | 0 | 15.153.217 | 15.153.217 | 9.049.734 | 318 | 57.835 |
| 19 | 452043000100 | 29/11/2002 | Cty TNHH sắt thép Trinh-Tường | CTY TNHH SẮT THÉP TRINH-TƯỜNG | 4.500.000 | 0 | 0 | 6.664.391 | 0 | 119.286 | 20 | 94.876 |
| 20 | 452023000020 | 14/01/2003 | CÔNG TY TNHH LUCIDAU JEWELRY | NHÀ MÁY GIA CÔNG VÀ SẢN XUẤT NỮ TRANG | 500.000 | 0 | 0 | 732.886 | 732.886 | 6.271.928 | 88 | 11.094 |
| 21 | 1018399184 | 22/01/2003 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯƠNG QUÁN (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐỒ CHƠI TRẺ EM, DỤNG CỤ THỂ THAO | 847.549 | 0 | 0 | 257.640 | 257.640 | 0 | 13 | 537 |
| 22 | 9801763108 | 24/01/2003 | CÔNG TY TNHH PLV | NHÀ MÁY SẢN XUẤT GĂNG TAY | 2.540.000 | 0 | 0 | 1.016.482 | 3.711.872 | 1.627.329 | 191 | 16.894 |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án | Tên dự án | Vốn thực hiện cộng dồn đến quý III năm 2019 (USD) | Thực hiện lũy kế từ đầu năm đến cuối năm 2019 | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Vốn thực hiện (USD) | Vốn từ nước ngoài (USD) | Doanh thu (USD) | Xuất khẩu (USD) | Nhập khẩu (USD) | Lao động (người) | Nộp ngân sách (USD) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 23 | 3255725347 | 24/07/2003 | CÔNG TY TNHH LI-YUEN GARMENT | NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG MAY MẶC | 12.000.000 | 0 | 0 | 15.977.486 | 14.995.790 | 27.476.645 | 274 | 24.387 |
| 24 | 7621866025 | 12/08/2003 | Công ty TNHH Haisung | NHÀ MÁY SẢN XUẤT CẦN CÂU VÀ MỒI NHỮ CÁ | 650.000 | 0 | 0 | 1.071.904 | 1.071.904 | 270.124 | 146 | 17.609 |
| 25 | 7661938622 | 29/08/2003 | CÔNG TY TNHH THÉP TRẢNG BÀNG | NHÀ MÁY THÉP TRẢNG BÀNG | 1.000.000 | 0 | 0 | 2.922.516 | 0 | 0 | 21 | 14.576 |
| 26 | 7642245863 | 18/12/2003 | CÔNG TY TNHH NHỰA VÀ CAO SU KIẾN PHÁT VIỆT NAM | NHÀ MÁY SẢN XUẤT NHỰA VÀ CAO SU KIẾN PHÁT | 3.000.000 | 0 | 0 | 168.000 | 205.000 | 124.100 | 33 | 737 |
| 27 | 452043000015 | 08/05/2002 | CÔNG TY TNHH ORIENTAL MULTIPLE (VIỆTT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT ỐC VÍT | 3.500.000 | 0 | 0 | 4.848.221 | 4.848.221 | 3.336.223 | 131 | 12.507 |
| 28 | 9810436086 | 23/08/2006 | CÔNG TY TNHH MAY MẶC LANGHAM | NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG HÀNG MAY MẶC XUẤT KHẨU | 7.500.000 | 0 | 0 | 12.500.000 | 38.750.000 | 4.800.000 | 3.242 | 101.338 |
| 29 | 45222000078 | 28/01/2008 | CÔNG TY TNHH TĂNG HƯNG | NHÀ MÁY SAN XUẤT 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2.116 |
| 30 | 6505758883 | 29/12/2003 | CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ CẢNH THÁI NGUYÊN (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT QUỐC TẾ CẢNH THÁI NGUYÊN | 1.200.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2.635 |
| 31 | 6514018379 | 22/11/2003 | CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT DER JINH (VN) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG XI MẠ DER JINH | 11.000.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 30 | 611 |
| 32 | 4306823701 | 10/08/2004 | CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ HUÂN THẮNG | CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ HUÂN THẮNG | 1.100.000 | 0 | 0 | 270.218 | 3.320.026 | 229.796 | 23 | 25.707 |
| 33 | 2164530273 | 10/09/2004 | CÔNG TY TNHH THỌ XUÂN (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY THỌ XUÂN (VIỆT NAM) | 1.000.000 | 0 | 0 | 2.808.000 | 528.000 | 1.692.000 | 26 | 5.043 |
| 34 | 2161213717 | 23/09/2004 | Cty TNHH Colltex (VN) | XƯỞNG MAY MẶC COLLTEX (VN) | 20.000.000 | 0 | 0 | 16.020.533 | 481.165.237 | 83.468.457 | 2.017 | 74.106 |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án | Tên dự án | Vốn thực hiện cộng dồn đến quý III năm 2019 (USD) | Thực hiện lũy kế từ đầu năm đến cuối năm 2019 | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Vốn thực hiện (USD) | Vốn từ nước ngoài (USD) | Doanh thu (USD) | Xuất khẩu (USD) | Nhập khẩu (USD) | Lao động (người) | Nộp ngân sách (USD) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 35 | 7657561020 | 12/12/2001 | Công ty TNHH Highstone International (VN) | CÔNG TY TNHH HIGHSTONE INTERNATIONAL (VN) | 2.500.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 9 | 212 |
| 36 | 7671565373 | 27/04/2004 | CÔNG TY TNHH NHỰA ĐÔNG PHƯƠNG | CÔNG TY TNHH NHỰA ĐÔNG PHƯƠNG | 4.500.000 | 0 | 0 | 4.529.962 | 4.105.410 | 2.638.300 | 208 | 93.350 |
| 37 | 452023000035 | 14/05/2004 | CÔNG TY TNHH CN DŨ PHONG | NHÀ MÁY SẢN XUẤT 1 | 3.500.000 | 0 | 0 | 6.514.466 | 0 | 0 | 74 | 77.246 |
| 38 | 452023000012 | 22/04/2005 | CÔNG TY TNHH JIN WON VIỆT NAM | NHÀ MÁY SẢN XUẤT DÂY ĐAI, KHÓA KÉO | 4.000.000 | 1.000 | 0 | 15.987.000 | 2.898.463 | 1.502.893 | 227 | 355.491 |
| 39 | 2114208595 | 22/04/2005 | Cty TNHH Baihe Holding Việt Nam | NHÀ MÁY SẢN XUẤT BĂNG GAI DÍNH BAIHE VIỆT NAM | 2.800.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 65.833 |
| 40 | 452043000030 | 13/05/2005 | CÔNG TY TNHH PIONEER POLYMERS | NHÀ MÁY SẢN XUẤT BAO NGÓN TAY BẰNG CAO SU | 1.587.726 | 0 | 0 | 1.195.839 | 674.754 | 503.062 | 92 | 152.072 |
| 41 | 5461760070 | 19/07/2004 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LI DÂU | NHÀ MÁY SẢN XUẤT NƯỚC SƠN ĐẠI TOÀN | 950.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 4.126 |
| 42 | 4308456873 | 23/09/2005 | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KHOA HỌC KỸ THUẬT HÓA CHẤT BẢO LIÊN | NHÀ MÁY HÓA CHẤT BẢO LIÊN | 2.500.000 | 0 | 0 | 1.181.954 | 200.410 | 0 | 19 | 50.574 |
| 43 | 452043000014 | 11/12/2006 | CÔNG TY TNHH HO CHUNG | NHÀ MÁY HO CHUNG | 881.735 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 10.309 |
| 44 | 452043000047 | 23/07/2007 | CÔNG TY TNHH JEWELPARK - VINA | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG NỮ TRANG JEWELPARK - VINA | 1.200.000 | 0 | 0 | 1.600.254 | 25.360.971 | 15.917.169 | 193 | 35.609 |
| 45 | 452043000052 | 07/09/2007 | CÔNG TY TNHH ROYAL ALLIANCE VINA | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG NỮ TRANG | 7.000.000 | 0 | 0 | 7.561.195 | 7.561.195 | 1.600.293 | 732 | 132.914 |
| 46 | 3206488885 | 24/10/2007 | CÔNG TY TNHH AMI - VINA | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG HÀNG DỆT, THÊU AMI-VINA | 2.000.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 286.637 | 49 | 4.830 |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án | Tên dự án | Vốn thực hiện cộng dồn đến quý III năm 2019 (USD) | Thực hiện lũy kế từ đầu năm đến cuối năm 2019 | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Vốn thực hiện (USD) | Vốn từ nước ngoài (USD) | Doanh thu (USD) | Xuất khẩu (USD) | Nhập khẩu (USD) | Lao động (người) | Nộp ngân sách (USD) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 47 | 452043000048 | 23/07/2007 | CÔNG TY TNHH B.HEIM VINA | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG HÀNG MAY MẶC TEXONE - VINA | 2.300.000 | 0 | 0 | 3.811.170 | 12.339.210 | 43.646.883 | 341 | 24.610 |
| 48 | 5454006481 | 16/01/2009 | Công ty TNHH Langham | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG MAY THÊU VI TÍNH, GIẶT TẨY HÀNG MAY MẶC XUẤT KHẨU | 1.000.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 0 |
| 49 | 2185822341 | 11/03/2009 | CÔNG TY TNHH MITSUEI (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHẤT TIỆT TRÙNG | 2.000.000 | 0 | 0 | 1.862.876 | 1.844.038 | 437.211 | 49 | 33.214 |
| 50 | 7624481234 | 20/12/2011 | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI CAO SU NHỰA TÍN THÁI | NHÀ MÁY TÁI CHẾ CAO SU TÍN THÁI | 644.249 | 0 | 0 | 760.580 | 686.800 | 127.850 | 22 | 14.306 |
| 51 | 2180644322 | 30/01/2012 | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NR | NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM ỐNG THÉP | 2.862.000 | 0 | 0 | 4.140.376 | 0 | 2.757.360 | 53 | 52.206 |
| 52 | 452043000194 | 26/03/2013 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT IN BAO BÌ GIẤY ĐÀI CHƯƠNG | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ IN BAO BÌ GIẤY ĐÀI CHƯƠNG | 2.000.000 | 0 | 0 | 8.696.250 | 1.189.000 | 2.847.000 | 212 | 117.000 |
| 53 | 6562606172 | 28/08/2013 | CÔNG TY TNHH MORITOMO HOLDINGS VIỆT NAM | NHÀ MÁY DỆT MAY MORITOMO | 1.019.215 | 0 | 0 | 1.942.356 | 524.940 | 22.176 | 54 | 130 |
| 54 | 7620884273 | 08/04/2014 | Nhà máy sx,gia công,thêu vi tính,giặt tẩy,in lụa hàng may mặc,sx thùng giấy carton | NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG, THÊU VI TÍNH, GIẶT TẨY, IN LỤA HÀNG MAY MẶC VÀ SẢN XUẤT THÙNG GIẤY CARTON. | 2.400.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 85.279 |
| 55 | 7688124800 | 31/07/2014 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KOREA TAPE | NHÀ MÁY SẢN XUẤT BĂNG KEO | 2.000.000 | 0 | 0 | 2.669.076 | 1.918.920 | 1.441.440 | 33 | 5.677 |
| 56 | 1061448110 | 27/11/2014 | CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ ORIES VIỆT NAM | NHÀ MÁY SẢN XUẤT BÀN ĐỂ ỦI QUẦN ÁO, ĐỒ GIA DỤNG | 600.000 | 0 | 0 | 5.371.490 | 5.686.210 | 1.332.240 | 151 | 21.516 |
| 57 | 5426655321 | 29/01/2015 | CÔNG TY TNHH MTV INTEPLAST VIỆT NAM | NHÀ MÁY SẢN XUẤT BAO BÌ NHỰA INTEPLAST | 4.000.000 | 0 | 0 | 13.166.557 | 13.195.038 | 8.718.496 | 125 | 3.333 |
| 58 | 5486282120 | 22/12/2015 | CÔNG TY TNHH BAIKSAN TEXTILE | CÔNG TY TNHH BAIKSAN TEXTILE | 2.270.000 | 0 | 0 | 5.433.160 | 5.443.460 | 4.569.180 | 88 | 62.518 |
| 59 | 4305384663 | 12/05/2017 | Cty TNHH dệt namyoung vina | NHÀ MÁY DỆT NAMYOUNG VINA | 3.450.000 | 0 | 0 | 58.177 | 58.177 | 34.340 | 46 | 70.263 |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án | Tên dự án | Vốn thực hiện cộng dồn đến quý III năm 2019 (USD) | Thực hiện lũy kế từ đầu năm đến cuối năm 2019 | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Vốn thực hiện (USD) | Vốn từ nước ngoài (USD) | Doanh thu (USD) | Xuất khẩu (USD) | Nhập khẩu (USD) | Lao động (người) | Nộp ngân sách (USD) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 60 | 9841486588 | 15/09/2017 | CÔNG TY TNHH CAO SU NRBIZ | NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CAO SU NRBIZ | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 129 |
| 61 | 9810266200 | 15/02/2019 | CÔNG TY TNHH TAYA CANVAS (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VẢI, BẠT CÔNG NGHIỆP TAYA CANVAS (VIỆT NAM) SỐ 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 2.208 |
| 62 | 2190515394 | 15/03/2019 | CÔNG TY TNHH JINKELI VIỆT NAM | NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHÌ ĐỎ VÀ PHỤ GIA NGÀNH PIN | | 0 | 0 | | 0 | 0 | | 0 |
| 63 | 7605098593 | 13/05/2019 | CÔNG TY TNHH VIETTA INDUSTRIES (VN) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT BỒN RỬA INOX VIETTA INDUSTRIES (VN) | | 0 | 0 | | 0 | | | 129 |
| 64 | 5474261135 | 20/11/2019 | | NHÀ MÁY DỆT HAPPY TEX | | | | | 0 | | | |
| 65 | 8706352656 | 31/08/1992 | Cty TNHH Sepzone - Linh Trung (Việt Nam) | DỰ ÁN KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG III. | 33.617.897 | 0 | 0 | | | | | |
| 66 | 452043000041 | 22/04/2004 | CÔNG TY TNHH CAPITAL TEXTILE (VIỆT NAM). | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG CHỈ MAY CÁC LOẠI, NHỰA GIA DỤNG | 4.000.000 | 0 | 0 | 705.705 | 62.868 | 974.733 | 33 | 19.929 |
| 67 | 4313268884 | 21/09/2004 | Cty TNHH Sản xuất bật lửa ga Hua Xing Vietnam | NHÀ MÁY SẢN XUẤT BẬT LỬA | 8.000.000 | 0 | 0 | 7.693.891 | 7.693.891 | 3.611.221 | 370 | 5.270 |
| 68 | 452043000085 | 06/12/2004 | CÔNG TY TNHH MEE JOO VINA | NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐẾ GIÀY THỂ THAO | 1.500.000 | 0 | 0 | 2.757.209 | 2.224.990 | 9.489 | 26 | 31.037 |
| 69 | 5424721667 | 24/12/2004 | CÔNG TY TNHH TAMI | NHÀ MÁY SẢN XUẤT TAMI | 600.000 | 0 | 0 | 348.654 | 836.499 | 355.407 | 54 | 5.080 |
| 70 | 5422119308 | 24/01/2005 | CÔNG TY TNHH NIFCO VIỆT NAM | NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG, LẮP RÁP VÀ XUẤT KHẨU KHÓA NHỰA VÀ CÁC SẢN PHẨM NHỰA | 5.000.000 | 0 | 0 | 7.935.880 | 1.207.580 | 3.021.217 | 110 | 529.550 |
| 71 | 7664865031 | 20/12/2004 | CÔNG TY TNHH SAIGLASS-HCM-VIETNAM | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG CÁC SẢN PHẨM KÍNH LÀM TỪ KÍNH NỔI | 1.060.000 | 0 | 0 | 402.638 | 932.350 | 484.229 | 19 | 485 |
| 72 | 9865308653 | 02/02/2005 | CÔNG TY TNHH KATAGIRI INDUSTRY (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG CÁC SẢN PHẨM NHỰA | 3.301.050 | 0 | 0 | 7.474.880 | 7.474.880 | 2.381.580 | 196 | 224.074 |
| 73 | 2149474606 | 08/03/2005 | CÔNG TY TNHH JIN XING | NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG CÁC LOẠI CHỈ MAY VÀ CÁC SẢN PHẨM NHỰA | 400.000 | 0 | 0 | 1.403.400 | 1.403.400 | 0 | 72 | 86 |
| 74 | 8733230151 | 16/11/2004 | Công ty TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ASGIT | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ASGIT | 650.000 | 0 | 0 | 601.030 | 6.500 | 23.230 | 26 | 45.490 |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án | Tên dự án | Vốn thực hiện cộng dồn đến quý III năm 2019 (USD) | Thực hiện lũy kế từ đầu năm đến cuối năm 2019 | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Vốn thực hiện (USD) | Vốn từ nước ngoài (USD) | Doanh thu (USD) | Xuất khẩu (USD) | Nhập khẩu (USD) | Lao động (người) | Nộp ngân sách (USD) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 75 | 2163628466 | 18/07/2005 | CÔNG TY TNHH THAI KK INDUSTRY (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG BĂNG KEO VÀ ĐẾ CAN CÁC LOẠI; SẢN XUẤT POLYME ACRYLIC DẠNG PHÂN TÁN DÙNG TRONG SẢN XUẤT BĂNG KEO VÀ ĐẾ CAN | 4.400.000 | 0 | 0 | 6.482.248 | 1.919.790 | 4.100.732 | 54 | 456.962 |
| 76 | 452043000087 | 28/06/2005 | CÔNG TY TNHH HÀN VIỆT TRỤC SILICONE | NHÀ MÁY SẢN XUẤT TRỤC CAO SU VÀ SILICONE | 2.000.000 | 0 | 0 | 1.407.900 | 0 | 106.303.798 | 34 | 131.200 |
| 77 | 2137555560 | 28/02/2005 | CÔNG TY TNHH DOU POWER (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG SẢN PHẨM MAY MẶC VÀ BAO BÌ CARTON. | 5.610.000 | 0 | 0 | 5.064.000 | 3.333.120 | 4.581.996 | 261 | 11.529 |
| 78 | 9821247283. | 19/12/2005 | CÔNG TY TNHH MAY MẶC JIFA S.OK | NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG MAY MẶC | 5.000.000 | 0 | 0 | 26.324.870 | 26.324.870 | 3.376.819 | 694 | 318.170 |
| 79 | 6584227500 | 06/02/2006 | CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU MỸ THUẬT PHƯỢNG HOÀNG VIỆT NAM | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VẬT LIỆU MỸ THUẬT | 1.500.000 | 0 | 0 | 24.382.580 | 24.382.580 | 7.388.180 | 688 | 322.470 |
| 80 | 452043000026 | 21/04/2005 | CÔNG TY TNHH PLAYLOUD VN | NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG MAY MẶC | 1.591.500 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 130 | 0 |
| 81 | 8712384841 | 01/09/2005 | CÔNG TY TNHH ICHIHIRO VIỆT NAM | NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG HÀNG DỆT, HÀNG MAY MẶC ICHIHIRO VIỆT NAM | 20.608.165 | 0 | 0 | 14.361.084 | 14.361.084 | 7.559.556 | 657 | 76.250 |
| 82 | 452023000094 | 17/03/2005 | CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ CHẤN GIA THANH | NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG NGŨ KIM | 2.200.000 | 0 | 0 | 50.650 | 98.160 | 38.460 | 6 | 129 |
| 83 | 88/GP-KCN-TNh | 28/02/2006 | Công ty TNHH Chỉ may Sew Well | CÔNG TY TNHH CHỈ MAY SEW WELL | 879.914 | 0 | 0 | 1.181.367 | 1.185.367 | 807.018 | 20 | 1.518 |
| 84 | 1080121531 | 23/03/2006 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT BAO BÌ AMPAC VIỆT NAM | NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG CÁC LOẠI TÚI, BAO BÌ NHỰA. | 4.400.000 | 0 | 0 | 3.239.622 | 3.860.014 | 4.922.280 | 66 | 24.055 |
| 85 | 90/GP-KCN-TNh | 16/05/2006 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SAL INDUSTRIAL SÀI GÒN | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SAL INDUSTRIAL SÀI GÒN | 250.000 | 0 | 0 | 992.640 | 1.985.280 | 0 | 59 | 86 |
| 86 | 9804003893 | 28/06/2006 | Công ty TNHH Chang Jiang Printing (Việt Nam) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VĂN PHÒNG PHẨM CHANG JIANG PRINTING (VIỆT NAM) | 6.633.861 | 2.204.106 | 2.204.106 | 11.314.000 | 11.314.000 | 5.871.520 | 139 | 165.523 |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án | Tên dự án | Vốn thực hiện cộng dồn đến quý III năm 2019 (USD) | Thực hiện lũy kế từ đầu năm đến cuối năm 2019 | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Vốn thực hiện (USD) | Vốn từ nước ngoài (USD) | Doanh thu (USD) | Xuất khẩu (USD) | Nhập khẩu (USD) | Lao động (người) | Nộp ngân sách (USD) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 87 | 6555082811 | 18/08/2006 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUỐC TẾ BEST BASE | NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG VÀ XUẤT KHẨU CÁC LOẠI SẢN PHẨM TRANG TRÍ NỘI THẤT, SẢN PHẨM THỦ CÔNG VÀ ĐÈN CÂY | 16.600.000 | 0 | 0 | 22.970.412 | 22.970.412 | 13.315.272 | 111 | 200.799 |
| 88 | 7606448405 | 29/09/2006 | CÔNG TY TNHH TAEDOO VINA | NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG VÀ XUẤT KHẨU CÁC LOẠI SẢN PHẨM DA PU | 1.284.220 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 26 | 785 |
| 89 | 5400744191 | 14/08/2006 | CÔNG TY TNHH SHINWOO VIỆT NAM | NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÚI GOLF SHINWOO VIỆT NAM | 3.500.000 | 0 | 0 | 8.208.000 | 8.208.000 | 2.856.000 | 527 | 77.648 |
| 90 | 452043000098 | 28/10/2005 | CÔNG TY TNHH MAO-KO | NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIA CÔNG CÔNG CỤ, LINH KIỆN, PHỤ KIỆN CƠ KHÍ | 1.000.000 | 0 | 0 | 552.600 | 507.600 | 69.480 | 65 | 219 |
| 91 | 4326838577 | 01/06/2006 | CÔNG TY TNHH YANTAI MOON (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT YANTAI MOON (VN) | 5.552.000 | 0 | 0 | 4.021.684 | 4.021.684 | 1.759.200 | 82 | 53.295 |
| 92 | 1085651088 | 23/10/2006 | CÔNG TY TNHH MAY MẶC OCEAN SKY (VN) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG VÀ XUẤT KHẨU CÁC MẶT HÀNG MAY MẶC | 6.000.000 | 0 | 0 | 3.564.760 | 10.480.710 | 5.449.560 | 692 | 84.386 |
| 93 | 452023000011 | 26/11/2006 | CÔNG TY TNHH MIRAE | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG CHẤT KẾT DÍNH VÀ MIẾNG LÓT TRONG CỦA TÚI XÁCH BẰNG DA PU, NI-LÔNG, NHỰA. | 600.000 | 0 | 0 | 1.113.835 | 0 | 0 | 19 | 115.947 |
| 94 | 452043000021 | 23/01/2007 | CÔNG TY TNHH SẢN PHẨM NGŨ KIM HAILIANG (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY GIA CÔNG VÀ SẢN XUẤT SẢN PHẨM KIM LOẠI HAILIANG (VIỆT NAM) | 12.000.000 | 0 | 0 | 19.799.799 | 19.799.799 | 13.217.179 | 59 | 939.008 |
| 95 | 2176836516 | 22/04/2005 | CÔNG TY TNHH HANSAE T N | NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG MAY MẶC. | 14.000.000 | 0 | 0 | 48.828.000 | 131.528.000 | 1.010.000 | 4.333 | 1.858.886 |
| 96 | 7686776201 | 12/06/2007 | Cty TNHH Tejing Vietnam | NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG BỘT VÔN-PHƠ RAM | 11.281.708 | 0 | 0 | 792.000 | 792.000 | 509.407 | 28 | 4.178 |
| 97 | 4337766815 | 18/09/2006 | CÔNG TY TNHH LƯỢNG PHONG | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG LƯỢNG PHONG | 400.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 24 | 332 |
| 98 | 1005431382 | 23/10/2006 | CÔNG TY TNHH KIYOKAWA VIỆT NAM | NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG PHỤ LIỆU NGÀNH MAY MẶC | 2.000.000 | 0 | 0 | 6.769.908 | 5.375.556 | 4.121.988 | 49 | 89.602 |
| 99 | 92/GCNĐC2/45/2 | 28/06/2006 | CÔNG TY TNHH MẬT ONG THƯỢNG HẠNG | CÔNG TY TNHH MẬT ONG THƯỢNG HẠNG | 1.200.655 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 | 129 |
| 100 | 8755117926 | 11/05/2007 | CÔNG TY TNHH DÂY CÁP ĐIỆN YONGJIN (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG DÂY & CÁP ĐIỆN YONGJIN (VIỆT NAM) | 3.927.692 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 0 |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án | Tên dự án | Vốn thực hiện cộng dồn đến quý III năm 2019 (USD) | Thực hiện lũy kế từ đầu năm đến cuối năm 2019 | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Vốn thực hiện (USD) | Vốn từ nước ngoài (USD) | Doanh thu (USD) | Xuất khẩu (USD) | Nhập khẩu (USD) | Lao động (người) | Nộp ngân sách (USD) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 101 | 4367260777 | 16/04/2007 | CÔNG TY TNHH DA ĐỨC TÍN (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG DA BÁN THÀNH PHẨM VÀ DA TẤM THÀNH PHẨM | 6.113.293 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 12 | 765 |
| 102 | 6507652148 | 24/07/2007 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BAO BÌ NHỰA DANUO (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG CÁC LOẠI SẢN PHẨM TỪ NHỰA DANUO (VIỆT NAM) | 2.000.000 | 0 | 0 | 2.439.274 | 2.439.274 | 1.448.640 | 46 | 129 |
| 103 | 452043000053 | 07/09/2007 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN RARE DRAGAN | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG SẢN PHẨM TRANG TRÍ NỘI THẤT RARE DRAGAN | 1.500.000 | 0 | 0 | 486.960 | 486.960 | 44.400 | 85 | 77.038 |
| 104 | 4346805878 | 24/09/2007 | CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG | NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHÚ QUANG | 1.520.000 | 0 | 0 | 3.746.083 | 2.568.541 | 867.510 | 64 | 66.609 |
| 105 | 1040910457 | 16/10/2007 | CÔNG TY TNHH PTS UNION (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM BẰNG VẢI VÀ NHỰA VINYL, KHÓA KÉO | 6.500.000 | 0 | 0 | 2.545.220 | 4.111.000 | 5.141.540 | 406 | 538 |
| 106 | 7686652405 | 24/10/2007 | CÔNG TY TNHH BAO BÌ NHỰA HUA DA (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY BAO BÌ NHỰA HUA DA (VIỆT NAM) | 1.000.000 | 0 | 0 | 4.727.210 | 4.727.210 | 8.229.080 | 159 | 11.583 |
| 107 | 452043000079 | 15/02/2008 | CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ VIỄN ĐÔNG | NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG VÒI NƯỚC, VAN, THIẾT BỊ PHÒNG TẮM | 12.745.000 | 0 | 0 | 1.998.000 | 0 | 0 | 30 | 105.390 |
| 108 | 4351878166 | 16/04/2008 | COÂNG TY TNHH DEÄT MAY TOPTIDE HUABANG (VIEÃT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG NGUYÊN PHỤ LIỆU MAY MẶC | 500.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 129 |
| 109 | 9883078817 | 16/04/2008 | CÔNG TY TNHH JINWOO ELECTRONICS VINA | NHÀ MÁY GIA CÔNG VÀ SẢN XUẤT TỦ LẠNH TRƯNG BÀY JINWOO ELECTRONICS | 2.000.000 | 0 | 0 | 2.836.538 | 2.468.390 | 887.080 | 43 | 14.079 |
| 110 | 2160725175 | 26/05/2008 | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NHỰA XINSHENG (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY CÔNG NGHIỆP NHỰA XINSHENG (VIỆT NAM) | 14.500.000 | 0 | 0 | 17.623.151 | 18.387.139 | 9.438.806 | 163 | 1.151 |
| 111 | 7688228163 | 09/09/2008 | CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT D&D | NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG SẢN PHẨM CƠ ĐIỆN D&D | 11.000.000 | 0 | 0 | 11.675.376 | 11.675.376 | 10.663.512 | 184 | 20.606 |
| 112 | 2117672453 | 09/03/2009 | CÔNG TY TNHH NEWAY | NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG SẢN PHẨM SĂN SÓC SẮC ĐẸP VÀ BAO BÌ GIẤY, SẢN PHẨM ĐỒ CHƠI BẰNG GIẤY NEWAY | 840.000 | 0 | 0 | 57.600 | 0 | 550 | 3 | 130 |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án | Tên dự án | Vốn thực hiện cộng dồn đến quý III năm 2019 (USD) | Thực hiện lũy kế từ đầu năm đến cuối năm 2019 | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Vốn thực hiện (USD) | Vốn từ nước ngoài (USD) | Doanh thu (USD) | Xuất khẩu (USD) | Nhập khẩu (USD) | Lao động (người) | Nộp ngân sách (USD) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 113 | 9888208434 | 15/07/2009 | Công ty TNHH ống thép Sujia | NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG ỐNG THÉP SUJIA | 6.704.580 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 17 | 129 |
| 114 | 452043000182 | 04/06/2012 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SOPURA ĐÔNG NAM Á | NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÓA CHẤT SOPURA ĐÔNG NAM Á | 2.000.000 | 0 | 0 | 4.771.810 | 1.864.020 | 2.960.540 | | 342.050 |
| 115 | 452043000193 | 05/03/2013 | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT PHÚ LỰC (VN). | NHÀ MÁY SẢN XUẤT THIẾT BỊ NHÀ BẾP VÀ NHÀ VỆ SINH | 10.000.000 | 0 | 0 | 35.023.000 | 35.023.000 | 13.401.240 | 587 | 286.147 |
| 116 | 8760838667 | 20/03/2013 | CÔNG TY TNHH NGUYÊN PHỤ LIỆU GIÀY RHENO (VN) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT NGUYÊN PHỤ LIỆU GIÀY RHENO (VN). | 1.344.750 | 0 | 0 | 3.269.880 | 414.828 | 0 | 59 | 149.471 |
| 117 | 9988650730 | 22/08/2013 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN KODIM VIET | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG CÁC SẢN PHẨM ALBUM, KHUNG HÌNH VÀ VĂN PHÒNG PHẨM KODIM VIET | 350.000 | 0 | 0 | 95.928 | 95.928 | 207.576 | 58 | 208 |
| 118 | 452022000209 | 28/10/2013 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN RANGER VIỆT NAM | NHÀ MÁY SẢN XUẤT, LẮP RÁP, GIA CÔNG VÀ XUẤT KHẨU THIẾT BỊ TRUYỀN THÔNG | 800.000 | 0 | 0 | 3.278.141 | 2.965.141 | 2.458.073 | 78 | 2.673 |
| 119 | 7694127078 | 23/07/2014 | CÔNG TY TNHH MTV SPEED SINKWARE (VN) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT SPEED SINKWARE (VN) | 1.000.000 | 699.440 | 699.440 | 6.090.360 | 6.090.360 | 17.717.460 | 74 | 19.820 |
| 120 | 4385481617 | 13/10/2014 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VẬT LIỆU HỢP KIM JIALONG (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG NHÔM KẼM HỢP KIM JIALONG | 2.000.000 | 0 | 0 | 9.060.000 | 0 | 3.490.361 | 36 | 49.517 |
| 121 | 3222949359 | 30/10/2012 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT SIÊU ỐNG. | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG CÁC SẢN PHẨM CƠ KHÍ UPM. | 800.000 | 0 | 0 | 89.920 | 32.150 | 212.110 | | 7.140 |
| 122 | 7613382533 | 14/01/2016 | CÔNG TY TNHH MTV GỖ KHANG ĐẠT (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÁN SÀN GỖ PHỨC HỢP, VÁN GỖ DÁN VÀ GIA CÔNG GỖ KHANG ĐẠT VIỆT NAM | 25.000.000 | 0 | 0 | 20.398.186 | 20.398.186 | 11.855.012 | 632 | 141.197 |
| 123 | 7651038525 | 02/03/2016 | CÔNG TY TNHH PROSPERITY PRECISION TEXTILE | CÔNG TY TNHH PROSPERITY PRECISION TEXTILE | 753.000 | 0 | 0 | 242.160 | 117.925 | 0 | 19 | 15.435 |
| 124 | 2180457275 | 08/09/2016 | Cty TNHH MTV PANGLORY | NHÀ MÁY SẢN XUẤT XE ĐẨY VÀ SẢN PHẨM NGŨ KIM PANGLORY | 600.000 | 0 | 0 | 1.104.000 | 1.104.000 | 1.500.000 | 41 | 86 |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án | Tên dự án | Vốn thực hiện cộng dồn đến quý III năm 2019 (USD) | Thực hiện lũy kế từ đầu năm đến cuối năm 2019 | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Vốn thực hiện (USD) | Vốn từ nước ngoài (USD) | Doanh thu (USD) | Xuất khẩu (USD) | Nhập khẩu (USD) | Lao động (người) | Nộp ngân sách (USD) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 125 | 4317435266 | 02/04/2013 | CÔNG TY TNHH HAO JIAO VIỆT NAM | NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG ĐỒ DÙNG VÀ THỨC ĂN VẬT NUÔI | 3.029.418 | 0 | 0 | 20.200.730 | 20.200.730 | 21.966.888 | 723 | 705.386 |
| 126 | 1080157561 | 11/04/2017 | Cty TNHH Bật Lửa Hua Xing Việt Nam | NHÀ MÁY SẢN XUẤT SẢN PHẨM THỂ THAO HUA XING | 1.000.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 13.503.840 | | 2.120 |
| 127 | 3288517135 | 09/05/2017 | Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Spon | NHÀ MÁY SẢN XUẤT XE NÂNG VÀ MÁY NÉN KHÍ SPON | 696.092 | 0 | 0 | 4.715.700 | 4.715.700 | 2.253.421 | | 4.650 |
| 128 | 9893104063 | 02/11/2017 | (Công ty TNHH Taya Canvas Việt Nam) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VẢI, BẠT CÔNG NGHIỆP TAYA CANVAS (VIỆT NAM) | 2.000.000 | 0 | 0 | 3.908.602 | 3.418.592 | 3.284.618 | 42 | 6.066 |
| 129 | 7641523925 | 04/01/2018 | CÔNG TY TNHH DỆT NAN XING (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG SẢN PHẨM DỆT NAN XING (VIỆT NAM) | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 129 |
| 130 | 6549079520 | 03/12/2018 | Công ty TNHH Hong Sheng Da (Việt Nam) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG SẢN PHẨM NGŨ KIM HONG SHENG (VIỆT NAM) | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 252 |
| 131 | 8771663315 | 28/01/2019 | Công ty TNHH MTV gỗ Sheng He (Việt Nam) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIA CÔNG GỖ SHENG HE (VIỆT NAM) | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 351 | 0 |
| 132 | 1063475018 | 14/01/2019 | CÔNG TY TNHH VĂN HÓA PHẨM PHƯỢNG HOÀNG VIỆT NAM | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VẬT LIỆU MỸ THUẬT | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 137 | 581 |
| 133 | 9893492802 | 29/01/2019 | CÔNG TY TNHH SẢN PHẨM KIM LOẠI HUISHAN (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT SẢN PHẨM KIM LOẠI HUISHAN (VIỆT NAM) | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 10 | 129 |
| 134 | 3286778254 | 08/03/2019 | CÔNG TY TNHH CÔNG CỤ XINKE (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG CÔNG CỤ TÂN KHA (VIỆT NAM). | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 0 |
| 135 | 9870413745 | 09/04/2019 | CÔNG TY TNHH DÂY CÁP ĐIỆN ICF (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG DÂY & CÁP ĐIỆN ICF (VIỆT NAM) | 0 | 0 | 0 | 12.513.770 | 12.513.770 | 14.236.008 | 93 | 417 |
| 136 | 9929903715 | 01/10/2019 | | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT SUREPHON (VIỆT NAM). | | | | 0 | 0 | 0 | | 64 |
| 137 | 3214125239 | 23/10/2019 | | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG CÁC LOẠI SỢI THUN. | | | | 0 | 0 | 0 | | 0 |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án | Tên dự án | Vốn thực hiện cộng dồn đến quý III năm 2019 (USD) | Thực hiện lũy kế từ đầu năm đến cuối năm 2019 | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Vốn thực hiện (USD) | Vốn từ nước ngoài (USD) | Doanh thu (USD) | Xuất khẩu (USD) | Nhập khẩu (USD) | Lao động (người) | Nộp ngân sách (USD) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 138 | 9850705866 | 17/08/2009 | CÔNG TY TNHH KUO YUEN TÂY NINH | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG DA BÁN THÀNH PHẨM | 15.000.000 | 0 | 0 | 12.217.861 | 12.164.828 | 17.000 | 640 | 78.613 |
| 139 | 9830616526 | 31/12/2009 | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP THÔNG GIÓ KRUGER VIỆT NAM | NHÀ MÁY SẢN XUẤT SẢN PHẨM THÔNG GIÓ KRUGER | 2.190.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 253 | 864.018 |
| 140 | 452043000143 | 18/03/2010 | CÔNG TY TNHH VENKY'S VIỆT NAM | NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI GIA CẦM | 2.400.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 388 |
| 141 | 9861768807 | 07/04/2010 | CÔNG TY TNHH ĐIỆN MÁY KTZ VIỆT NAM | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG THIẾT BỊ ĐIỆN MÁY KTZ VIỆT NAM | 1.461.742 | 0 | 0 | 4.349.885 | 0 | 2.415.516 | 44 | 532.767 |
| 142 | 5474773731 | 30/11/2010 | Cty TNHH Jia Kuan Shun | NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIA CÔNG GIÀY THỂ THAO XUẤT KHẨU JIA KUAN SHUN | 1.000.000 | 0 | 0 | 2.403.770 | 0 | 0 | 362 | 221.916 |
| 143 | 2102716381 | 23/04/2013 | CÔNG TY TNHH YOUNG IL VIỆT NAM | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG CÁC LOẠI DA, GIẢ DA | 25.000.000 | 0 | 0 | 189.984.000 | 189.984.000 | 125.520.000 | 1.203 | 2.872.200 |
| 144 | 2170625604 | 25/08/2013 | CÔNG TY TNHH MAY MẶC REHONG VIỆT NAM | XƯỞNG MAY MẶC REHONG | 7.000.000 | 0 | 0 | 3.297.360 | 3.297.360 | 3.788.740 | 327 | 361 |
| 145 | 3273313055 | 06/09/2013 | CÔNG TY TNHH PHÚC LIÊN MỘC NGHIỆP | NHÀ MÁY PHÚC LIÊN MỘC NGHIỆP | 1.500.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 200 |
| 146 | 1072365151 | 14/03/2014 | CÔNG TY TNHH MAY MẶC FIRST TEAM VIỆT NAM | NHÀ XƯỞNG MAY MẶC FIRST TEAM VIỆT NAM | 130.000.000 | 28.741.079 | 28.741.079 | 59.298.845 | 59.290.578 | 128.125.576 | 6.359 | 147.500 |
| 147 | 7642375060 | 28/04/2014 | CÔNG TY TNHH ASC (VIỆT NAM) | CÔNG TY TNHH ASC (VIỆT NAM) | 2.885.804 | 0 | 0 | | | | | |
| 148 | 9977617065 | 22/08/2014 | CÔNG TY TNHH DONGPYEONG VINA | NHÀ XƯỞNG DONGPYEONG VINA | 750.000 | 0 | 0 | 1.715.747 | 10.742.540 | 7.967.020 | 53 | 8.711 |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án | Tên dự án | Vốn thực hiện cộng dồn đến quý III năm 2019 (USD) | Thực hiện lũy kế từ đầu năm đến cuối năm 2019 | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Vốn thực hiện (USD) | Vốn từ nước ngoài (USD) | Doanh thu (USD) | Xuất khẩu (USD) | Nhập khẩu (USD) | Lao động (người) | Nộp ngân sách (USD) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 149 | 3272240372 | 11/09/2014 | Công ty TNHH Daeha Việt Nam | CÔNG TY TNHH DAEHA VIỆT NAM | 1.500.000 | 0 | 0 | 6.402.340 | 6.402.340 | 3.574.880 | 167 | 25.696 |
| 150 | 9991307277 | 09/12/2014 | CÔNG TY TNHH SHENLONG FUR (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY GIA CÔNG CÁC LOẠI DA LÔNG THÚ CAO CẤP TỪ DA KHÔ ĐÃ QUA SƠ CHẾ. | 2.500.000 | 0 | 0 | 3.982.000 | 34.813.380 | 37.247.730 | 72 | 11.840 |
| 151 | 9918102198 | 09/03/2015 | CÔNG TY TNHH DỆT MAY SUNRISE (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY DỆT MAY SUNRISE (VIỆT NAM) | 1.000.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 258 |
| 152 | 7645374264 | 15/06/2015 | CÔNG TY TNHH DỆT MAY RISE SUN HỒNG KÔNG (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY DỆT NHUỘM RISE SUN VIỆT NAM | 67.532.411 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1.065 | 26.065 |
| 153 | 3220971182 | 15/06/2015 | CÔNG TY TNHH THỜI TRANG FORTUNATE HỒNG KÔNG (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY MAY MẶC FORTUNATE VIỆT NAM | 3.250.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 129 |
| 154 | 1048214731 | 02/12/2015 | CÔNG TY TNHH DỆT JIFA THÀNH AN (VIỆT NAM) | NHÀ XƯỞNG DỆT JIFA THÀNH AN (VIỆT NAM) | 39.800.000 | 0 | 0 | 35.342.112 | 35.342.112 | 18.771.315 | 367 | 11.010 |
| 155 | 7633405803 | 25/12/2015 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN WINGA VIỆT NAM | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN WINGA VIỆT NAM | 21.810.069 | 0 | 0 | 10.630.560 | 27.610.152 | 13.176.573 | 1.407 | 78.833 |
| 156 | 8753307767 | 15/01/2016 | CÔNG TY TNHH DỆT MAY S.POWER (VIỆT NAM) | CÔNG TY TNHH DỆT MAY S. POWER (VIỆT NAM) | 5.000.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 502 |
| 157 | 1026055002 | 15/01/2016 | CÔNG TY TNHH DỆT SHENG FA VIETNAM | NHÀ MÁY DỆT SHENG FA VIETNAM | 1.000.000 | 0 | 0 | 237.259 | 378 | 1.065.022 | 51 | 110.100 |
| 158 | 2146551212 | 26/05/2016 | CÔNG TY TNHH BINNA (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT DỤNG CỤ THỂ DỤC, THỂ THAO BINNA (VIỆT NAM) | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 172 |
| 159 | 1036673888 | 15/06/2016 | CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP PINNACLE (VIỆT NAM) | DỰ ÁN CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP PINNACLE (VIỆT NAM) | 494.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 20 | 7.379 |
| 160 | 3247188163 | 08/07/2016 | CÔNG TY TNHH RITAR POWER (VIETNAM) | NHÀ MÁY RITAR POWER (VIETNAM) | 40.035.724 | 40.035.724 | 40.035.724 | 84.616.308 | 83.606.531 | 60.563.413 | 1.015 | 20.919 |
| 161 | 3287430823 | 08/08/2016 | CÔNG TY TNHH Qingdao Roy-ne VIỆT NAM | NHÀ MÁY MAY MẶC QINGDAO ROY-NE (VIỆT NAM) | 6.000.000 | 6.000.000 | 6.000.000 | 0 | 0 | 0 | 622 | 4.060 |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án | Tên dự án | Vốn thực hiện cộng dồn đến quý III năm 2019 (USD) | Thực hiện lũy kế từ đầu năm đến cuối năm 2019 | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Vốn thực hiện (USD) | Vốn từ nước ngoài (USD) | Doanh thu (USD) | Xuất khẩu (USD) | Nhập khẩu (USD) | Lao động (người) | Nộp ngân sách (USD) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 162 | 1037356710 | 08/11/2016 | CÔNG TY TNHH KPP ZIPPER VIỆT NAM | NHÀ MÁY SẢN XUẤT KHÓA KÉO KPP ZIPPER VIỆT NAM | | 0 | 0 | 2.176.610 | 2.176.610 | 840.820 | 67 | 73.105 |
| 163 | 1036446751 | 21/11/2016 | Cty TNHH Nguyên liệu giày Pinxiang | NHÀ MÁY SẢN XUẤT NGUYÊN LIỆU GIÀY PINXIANG VIỆT NAM | 1.000.000 | 1.000.000 | 1.000.000 | 0 | 0 | 0 | 334 | 7.653 |
| 164 | 9828562242 | 29/11/2016 | Công Ty TNHH Công Nghệ Dệt Tuchang Yinfeng | NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ DỆT TUCHANG YINFENG | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 129 |
| 165 | 4334811601 | 14/03/2017 | Công ty TNHH Inox Legend | NHÀ MÁY CÔNG NGHIỆP INOX LEGEND | 1.000.000 | 1.000.000 | 1.000.000 | 0 | 0 | 0 | | 5.304 |
| 166 | 5453615620 | 07/04/2017 | Công ty TNHH May Đan V.Success (Việt Nam) | NHÀ XƯỞNG MAY ĐAN V.SUCCESS VIỆT NAM | 24.884.238 | 0 | 0 | 1.530.183 | 3.263.685 | 954.324 | | 3.611 |
| 167 | 5420121256 | 04/07/2017 | Cty TNHH HC Screen Vina | NHÀ MÁY SẢN XUẤT TEM VỎ, TEM RUỘT XE CÁC LOẠI | | 0 | 0 | 849.460 | 0 | 103.610 | 56 | 78.444 |
| 168 | 8752436621 | 17/07/2017 | Công ty TNHH Công nghệ Vicome (Việt Nam) | NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ VICOME (VIỆT NAM) | 1.600.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 7 | 920 |
| 169 | 8738745778 | 22/08/2017 | Công ty TNHH Xiang Jiang Group (VN) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC LOẠI DA XIANG JIANG GROUP (VN) | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 2.754 |
| 170 | 2172293038 | 17/10/2017 | CÔNG TY TNHH NPP POWER (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY NPP POWER (VIỆT NAM) | 1.300.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 226 | 229 |
| 171 | 8790724313 | 20/11/2017 | Công ty TNHH VINACEN International | NHÀ MÁY SẢN XUẤT SẢN PHẨM NHỰA VINACEN | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 24 |
| 172 | 7684456296 | 21/12/2017 | CÔNG TY TNHH THỜI TRANG DENNY (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG MAY SẴN DENNY (VIỆT NAM) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 105 | 129 |
| 173 | 9910708378 | 08/01/2018 | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEEU (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT THẢM XỐP NEEU (VIỆT NAM) | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 11 | 130 |
| 174 | 9883375127 | 26/01/2018 | CÔNG TY TNHH SML & FT (VIỆT NAM) | DỰ ÁN NHÀ MÁY SML&FT (VIỆT NAM) | 1.671.161 | 201.075 | 201.075 | 1.945.063 | 1.945.063 | 1.433.561 | 76 | 2.262 |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án | Tên dự án | Vốn thực hiện cộng dồn đến quý III năm 2019 (USD) | Thực hiện lũy kế từ đầu năm đến cuối năm 2019 | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Vốn thực hiện (USD) | Vốn từ nước ngoài (USD) | Doanh thu (USD) | Xuất khẩu (USD) | Nhập khẩu (USD) | Lao động (người) | Nộp ngân sách (USD) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 175 | 5423057518 | 13/03/2018 | CÔNG TY TNHH NINGBO CHANGYA PLASTIC (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT SẢN PHẨM NHỰA NINGBO CHANGYA (VIỆT NAM) | 3.000.000 | 3.000.000 | 3.000.000 | 16.580.699 | 16.580.699 | 13.270.796 | 538 | 20.973 |
| 176 | 1027195190 | 20/03/2018 | Công ty TNHH Wuyang Group (Việt Nam) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VẢI WUYANG GROUP (VIỆT NAM) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 129 |
| 177 | 5451693955 | 10/04/2018 | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SINCETECH (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VẢI VÀ GIÀY SINCETECH (VIỆT NAM) TECHNOLOGY. | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 131 |
| 178 | 7671730987 | 04/05/2018 | CÔNG TY TNHH DRAGONTEX VN | DỰ ÁN SẢN XUẤT SỢI DRAGONTEX VN | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 129 |
| 179 | 7610012724 | 16/05/2018 | CÔNG TY TNHH EVERTEX INTERNATIONAL (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY DỆT EVERTEX INTERNATIONAL (VIỆT NAM). | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 507 |
| 180 | 7616091960 | 03/07/2018 | Công ty TNHH Công nghệ y tế Royal Tong | DỰ ÁN SẢN XUẤT THIẾT BỊ Y TẾ SHANDONG RUITONG ZHENYUE. | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 201 |
| 181 | 1022172049 | 29/06/2018 | CÔNG TY TNHH BEST SOUTH VIỆT NAM (TÂY NINH) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT KEO DÁN TỔNG HỢP VÀ NHỰA TỔNG HỢP BEST SOUTH TÂY NINH | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 129 |
| 182 | 3226902635 | 24/07/2018 | Công ty TNHH Rainbow Weaving Textile (Việt Nam) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VẢI RAINBOW WEAVING TEXTILE (VIỆT NAM) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 129 |
| 183 | 7680429010 | 31/07/2018 | CÔNG TY TNHH HARADA GARMENT VIỆT NAM | DỰ ÁN SẢN XUẤT HÀNG MAY SẴN HARADA GARMENT VIỆT NAM | 0 | 0 | 0 | 1.573.120 | 1.400.870 | 478.340 | 87 | 68.250 |
| 184 | 3272076744 | 14/08/2018 | CÔNG TY TNHH OURIES INTERNATIONAL (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT BÀN KIM LOẠI OURIES INTERNATIONAL (VIỆT NAM) | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 134 |
| 185 | 5437883646 | 23/08/2018 | CÔNG TY TNHH HUAMIN TECHNOLOGY (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VẢI HUAMIN (VIỆT NAM). | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 129 |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án | Tên dự án | Vốn thực hiện cộng dồn đến quý III năm 2019 (USD) | Thực hiện lũy kế từ đầu năm đến cuối năm 2019 | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Vốn thực hiện (USD) | Vốn từ nước ngoài (USD) | Doanh thu (USD) | Xuất khẩu (USD) | Nhập khẩu (USD) | Lao động (người) | Nộp ngân sách (USD) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 186 | 9833378051 | 08/10/2018 | Công ty TNHH Transasia Tantec | NHÀ MÁY SẢN XUẤT DA TRANSASIA TANTEC | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 15.859 |
| 187 | 9907714020 | 31/10/2018 | CÔNG TY TNHH WILSON (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT SẢN PHẨM DỆT WILSON (VIỆT NAM) | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 49 | 233 |
| 188 | 7660571456 | 05/12/2018 | CÔNG TY TNHH FAMOUS EXPRESS VIỆT NAM | DỰ ÁN SẢN XUẤT TÓC TỪ SỢI FAMOUS EXPRESS VIỆT NAM | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 258 |
| 189 | 1036981901 | 02/01/2019 | Công ty TNHH Huanyu Technology | NHÀ MÁY SẢN XUẤT HOÁ CHẤT DỆT NHUỘM HUANYU | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 129 |
| 190 | 9985986577 | 10/01/2019 | CÔNG TY TNHH LOGISTIC EQUIPMENT XINGUANG (VIETNAM) | DỰ ÁN LOGISTICS EQUIPMENT XINGUANG (VIETNAM). | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 133 |
| 191 | 5449994793 | 14/01/2019 | CÔNG TY TNHH LIXIN TEXTILES (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY DỆT LIXIN VIỆT NAM | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 159 |
| 192 | 3279256516 | 01/03/2019 | Công ty TNHH Zhaowen Knitting (Việt Nam) | NHÀ MÁY ZHAOWEN KNITTING (VIỆT NAM) | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 129 |
| 193 | 1077788025 | 03/04/2019 | CÔNG TY TNHH SHENGHONG TEXTILE (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VẢI SHENGHONG TEXTILE (VIỆT NAM). | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 129 |
| 194 | 9858111550 | 17/04/2019 | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HONGCHANGYUAN | NHÀ MÁY HONGCHANGYUAN | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 258 |
| 195 | 9877185815 | 02/05/2019 | CÔNG TY TNHH DỆT BO WEI (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VẢI BO WEI (VIỆT NAM) | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 279 |
| 196 | 4347192318 | 14/05/2019 | CÔNG TY TNHH ZT TEXTILE VIETNAM | DỰ ÁN SẢN XUẤT VẢI ZT TEXTILE VIETNAM | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 219 |
| 197 | 9971329398 | 07/10/2019 | | NHÀ MÁY YUELOONG (VIETNAM) | | | | 0 | 0 | 0 | | 64 |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án | Tên dự án | Vốn thực hiện cộng dồn đến quý III năm 2019 (USD) | Thực hiện lũy kế từ đầu năm đến cuối năm 2019 | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Vốn thực hiện (USD) | Vốn từ nước ngoài (USD) | Doanh thu (USD) | Xuất khẩu (USD) | Nhập khẩu (USD) | Lao động (người) | Nộp ngân sách (USD) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 198 | 6584779875 | 07/10/2019 | | NHÀ MÁY EVER OCEAN | | | | 0 | 0 | 0 | | 64 |
| 199 | 6561191174 | 13/06/2019 | | NHÀ MÁY SẢN XUẤT THÙNG CARTON VÀ PALLET KAIFUDA VIỆT NAM | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 64 |
| 200 | 6513151104 | 19/07/2010 | CÔNG TY TNHH POU LI VIỆT NAM | NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY, DÉP POU LI VIỆT NAM | 55.000.000 | 7.119.157 | 7.119.157 | 87.356.000 | 88.248.000 | 57.462.000 | 5.211 | 616.078 |
| 201 | 9830842636 | 20/03/2012 | Công ty TNHH Sailun Việt Nam | DỰ ÁN CHẾ TẠO LỐP XE RADIAN | 400.000.000 | 38.530.000 | 38.530.000 | 525.511.284 | 509.375.169 | 293.182.680 | 4.444 | 5.884.844 |
| 202 | 9820217466 | 17/12/2012 | CÔNG TY TNHH BROTEX (VIỆT NAM) | DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX (VIỆT NAM) | 400.000.000 | 0 | 0 | 406.377.363 | 350.000.000 | 455.664.000 | 8.115 | 1.820.289 |
| 203 | 4343885371 | 28/06/2013 | CÔNG TY TNHH GAIN LUCKY (VIỆT NAM) | DỰ ÁN NHÀ MÁY DỆT VẢI GAIN LUCKY (VIỆT NAM) | 450.000.000 | 50.000.000 | 0 | 586.028.050 | 596.028.050 | 299.934.220 | 8.720 | 1.628.440 |
| 204 | 8787886364 | 04/07/2013 | CÔNG TY TNHH LỐP XE H.A VINA. | DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC LOẠI LỐP XE | 31.059.627 | 0 | 0 | 78.209.520 | 78.191.000 | 50.226.630 | 1.444 | 794.990 |
| 205 | 5413737227 | 04/10/2013 | CÔNG TY TNHH UNISOLL FABRIC | DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT VẢI THÀNH PHẨM | 50.000.000 | 0 | 0 | 13.944.213 | 13.122.390 | 3.127.420 | 411 | 1.553.670 |
| 206 | 9866743546 | 02/01/2014 | Cty TNHH Vật liệu mới Aoxiang Việt Nam | DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT NGUYÊN VẬT LIỆU VIETNAM AOXIANG | 5.000.000 | 0 | 0 | 867.400 | 864.000 | 574.730 | 20 | 1.185 |
| 207 | 6557144850 | 09/01/2014 | CÔNG TY TNHH ILSHIN VIETNAM | NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI, VẢI DỆT KIM ILSHIN VIỆT NAM | 102.682.734 | 4.908.909 | 0 | 70.403.221 | 53.184.807 | 45.631.275 | 618 | 2.367.636 |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án | Tên dự án | Vốn thực hiện cộng dồn đến quý III năm 2019 (USD) | Thực hiện lũy kế từ đầu năm đến cuối năm 2019 | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Vốn thực hiện (USD) | Vốn từ nước ngoài (USD) | Doanh thu (USD) | Xuất khẩu (USD) | Nhập khẩu (USD) | Lao động (người) | Nộp ngân sách (USD) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 208 | 5482620352 | 21/05/2014 | CÔNG TY TNHH DONGJU SPORTS VIỆT NAM | NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÚI GOLF DONGJU SPORTS VIỆT NAM. | 5.458.566 | 0 | 0 | 7.580.520 | 16.660.200 | 6.769.320 | 648 | 27.212 |
| 209 | 6506617466 | 08/10/2014 | CÔNG TY TNHH KS WIRE TECH VINA | NHÀ MÁY SẢN XUẤT TA-LÔNG LỐP XE CÁC LOẠI | 2.044.227 | 0 | 0 | 4.229.640 | 24.130 | 1.335.300 | 129 | 455.810 |
| 210 | 9822830837 | 08/10/2014 | Cty TNHH Cleanwrap Latex VN | DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT CLEANWRAP | 7.491.154 | 0 | 0 | 4.142.856 | 4.142.856 | 263.904 | 149 | 11.030 |
| 211 | 9824013450 | 09/10/2014 | CÔNG TY CỔ PHẦN JSI VINA | NHÀ MÁY SẢN XUẤT DA TỔNG HỢP POLYURETHANE VÀ DỆT VẢI | 43.244.040 | 0 | 0 | 57.562.230 | 57.064.810 | 20.514.070 | 533 | 1.727.770 |
| 212 | 8712372438 | 09/12/2014 | Ông: YANG, JUNG-TSAN | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI VẬT LIỆU CAO SU VÀ EVA | 8.000.000 | 0 | 0 | 4.092.798 | 1.399.053 | 113.576 | 403 | 11.590 |
| 213 | 3264066720 | 08/04/2015 | CÔNG TY TNHH MAY MẶC LU Thai | DỰ ÁN NHÀ MÁY SỢI, VẢI MÀU LU THAI (VIỆT NAM) | 238.000.000 | 38.000.000 | 0 | 158.386.883 | 158.386.883 | 90.289.554 | 3.404 | 504.767 |
| 214 | 3222317305 | 19/05/2015 | CÔNG TY TNHH KYUNG SUNG POLYTECH VIỆT NAM | NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHẤT DẺO POLYURETHANE KYUNG SUNG VIỆT NAM | 3.000.000 | 0 | 0 | 11.346.650 | 6.786.540 | 4.675.920 | 41 | 582.050 |
| 215 | 1055432662 | 18/06/2015 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NEW WIDE (VIỆT NAM) | DỰ ÁN NHÀ MÁY VẢI DỆT KIM NEW WIDE VIỆT NAM | 30.000.000 | 0 | 0 | 91.699.245 | 91.699.245 | 29.427.610 | 1.102 | 33.425 |
| 216 | 1053642240 | 25/11/2015 | CÔNG TY TNHH DỆT XIN SHENG (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY DỆT XIN SHENG VIỆT NAM | 5.000.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 66 | 1.001 |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án | Tên dự án | Vốn thực hiện cộng dồn đến quý III năm 2019 (USD) | Thực hiện lũy kế từ đầu năm đến cuối năm 2019 | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Vốn thực hiện (USD) | Vốn từ nước ngoài (USD) | Doanh thu (USD) | Xuất khẩu (USD) | Nhập khẩu (USD) | Lao động (người) | Nộp ngân sách (USD) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 217 | 1006040033 | 01/12/2015 | CÔNG TY TNHH A & J VIỆT NAM | NHÀ MÁY SẢN XUẤT XE ĐẠP A&J VIỆT NAM | 13.635.000 | 0 | 0 | 2.482.272 | 2.482.272 | 0 | 765 | 7.488 |
| 218 | 7658130684 | 22/03/2016 | CÔNG TY TNHH SHIRONG (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT MÁY MÓC THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP SHIRONG | 500.000 | 0 | 0 | 987.685 | 756.809 | 2.737.440 | 82 | 251.031 |
| 219 | 1055506801 | 18/05/2016 | CÔNG TY TNHH FANG BROTHERS KNITTING (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT ÁO LEN FANG BROTHERS KNITTING (VIỆT NAM) | 2.995.000 | 0 | 0 | 3.318.529 | 0 | 0 | 969 | 27.358 |
| 220 | 6517085158 | 21/06/2016 | CÔNG TY TNHH DÁN VẢI NKT HI-NEW-TECH | NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG DÁN VẢI TỔNG HỢP NKT HI-NEW-TEX | 2.500.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 29.364 | 33 | 4.745 |
| 221 | 7622344186 | 22/08/2016 | Công ty TNHH Lian-Ta-Hsing (Việt Nam) | NHÀ MÁY DỆT VẢI LIAN-TA-HSING VIỆT NAM | 24.000.000 | 24.000.000 | 24.000.000 | 0 | 0 | 6.418.136 | 55 | 3.048 |
| 222 | 7620082223 | 16/01/2017 | Công ty TNHH MTV Byfood Science | NHÀ MÁY SẢN XUẤT SẢN PHẨM NGŨ KIM DÙNG TRONG NGÀNH DỆT VÀ HÓA CHẤT NGÀNH DỆT NHUỘM | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 86 |
| 223 | 5426722584 | 23/01/2017 | Công ty TNHH Billion Industrial Việt Nam | NHÀ MÁY SẢN XUẤT POLYESTER VÀ SỢI TỔNG HỢP BILLION VIỆT NAM | 173.000.000 | 173.000.000 | 173.000.000 | 0 | 0 | 201.182.740 | 1.947 | 10.286 |
| 224 | 4358612716 | 25/05/2017 | Công ty TNHH Brotex (Việt Nam) | DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI BROTEX VIỆT NAM | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 0 |
| 225 | 9833447567 | 30/06/2017 | CÔNG TY TNHH BAIKAI INDUSTRY VIỆT NAM | DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT VẢI, SỢI BAI KAI VIỆT NAM | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 381 | 2.171 |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án | Tên dự án | Vốn thực hiện cộng dồn đến quý III năm 2019 (USD) | Thực hiện lũy kế từ đầu năm đến cuối năm 2019 | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Vốn thực hiện (USD) | Vốn từ nước ngoài (USD) | Doanh thu (USD) | Xuất khẩu (USD) | Nhập khẩu (USD) | Lao động (người) | Nộp ngân sách (USD) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 226 | 1025815680 | 31/01/2018 | CÔNG TY TNHH AEROTACT TN | NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG MAY MẶC AEROTACT TN. | 2.000.000 | 2.000.000 | 2.000.000 | 0 | 0 | 0 | 556 | 8.064 |
| 227 | 1063156396 | 27/03/2018 | Công ty TNHH Cocreation Grass Corporation Việt Nam | NHÀ MÁY SẢN XUẤT CỎ NHÂN TẠO COCREATION GRASS CORPORATION | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1.270 | 47.750 |
| 228 | 7676150893 | 21/05/2018 | CÔNG TY TNHH CAO SU VÀ NHỰA HONG BAO | NHÀ MÁY SẢN XUẤT SẢN PHẨM CAO SU VÀ NHỰA EVA HONG BAO | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 423 |
| 229 | 8715108019 | 25/09/2018 | Công ty TNHH Hailide (Việt Nam) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI TỔNG HỢP DÙNG CHO NGÀNH CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VÀ CÁC NGÀNH KHÁC | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 25 | 1.908 |
| 230 | 6586402145 | 13/11/2018 | CÔNG TY TNHH ALEX GLOBAL TECHNOLOGY VIỆT NAM | NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH ALEX GLOBAL TECHNOLOGY VIỆT NAM | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 130 |
| 231 | 1036465037 | 10/01/2019 | CÔNG TY TNHH ASAI | NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐỒ NỘI THẤT TỦ BÀN GHẾ | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 0 |
| 232 | 7683278253 | 02/04/2019 | CÔNG TY TNHH TEN TECH COMPOSITE (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY TEN TECH COMPOSITE (VIỆT NAM) | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 159 |
| 233 | 4329699262 | 03/04/2019 | CÔNG TY TNHH ACTR | DỰ ÁN CHẾ TẠO LỐP XE RADIAN TOÀN THÉP ACTR | | 0 | 0 | 5.140 | 0 | 115.721 | | 73.670 |
| 234 | 4377126993 | 04/04/2019 | Công ty TNHH COCREATION GRASS CORPORATION VIỆT NAM | NHÀ MÁY SỐ 2 SẢN XUẤT CỎ NHÂN TẠO COCREATION GRASS CORPORATION VIỆT NAM - Công ty TNHH | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 44 |
| 235 | 2173465269 | 25/04/2019 | CÔNG TY TNHH RAVO GROUP (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT DỤNG CỤ CHĂM SÓC SẮC ĐẸP VÀ TRANG ĐIỂM | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 0 |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án | Tên dự án | Vốn thực hiện cộng dồn đến quý III năm 2019 (USD) | Thực hiện lũy kế từ đầu năm đến cuối năm 2019 | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Vốn thực hiện (USD) | Vốn từ nước ngoài (USD) | Doanh thu (USD) | Xuất khẩu (USD) | Nhập khẩu (USD) | Lao động (người) | Nộp ngân sách (USD) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 236 | 3260830478 | 19/09/2019 | | DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT TEM CAO SU CHO LỐP XE VÀ VAN RUỘT XE | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 0 |
| 237 | 4380241632 | 18/04/2008 | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ QUỐC TẾ | KHU CÔNG NGHIỆP CHÀ LÀ | 6.812.376 | 0 | 0 | | | | | |
| 238 | 2130850010 | 28/07/2010 | CÔNG TY TNHH POU HUNG VIỆT NAM | NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY, DÉP POU HUNG VIỆT NAM | 170.398.704 | 0 | 0 | 215.725.000 | 215.725.000 | 102.106.000 | 13.937 | 1.425.029 |
| 239 | 452043000153 | 06/09/2010 | CÔNG TY TNHH T&K VIỆT NAM. | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG CÁC SẢN PHẨM CƠ KHÍ CHÍNH XÁC VÀ ĐIỆN TỬ T&K VIỆT NAM | 2.429.839 | 0 | 0 | 300 | 0 | | 1 | |
| 240 | 1027116631 | 10/12/2015 | CÔNG TY TNHH HUI FENG | NHÀ MÁY GIA CÔNG IN ẤN TRÊN SẢN PHẨM DA, NHỰA CÁC LOẠI | 500.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 124 | |
| 241 | 3206526312 | 18/09/2009 | CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP TMTC | DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP TMTC | 25.000.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | |
| 242 | 9830473506 | 18/09/2009 | CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM MỘC BÀI | NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY | 100.000.000 | 0 | 0 | 261.610.663 | 261.610.663 | 90.630.880 | 16.544 | 335.674 |
| 243 | 6541336670 | 21/04/2016 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PYUNGAN VIỆT NAM | NHÀ MÁY DỆT MAY IN VẢI PYUNG AN MỘC BÀI | 9.000.000 | 4.000.000 | 4.000.000 | 10.903.340 | 10.903.340 | 5.724.040 | 431 | 2.972.274 |
| 244 | 6553515601 | 14/07/2016 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HANS VIỆT NAM | NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY HANS KOREA MỘC BÀI | 3.437.490 | 29.490 | 29.490 | 6.903.260 | 6.554.840 | 2.788.660 | 383 | 11.101 |
| 245 | 2115413384 | 06/02/2017 | Công ty TNHH GDI Textile | NHÀ MÁY DỆT CỰ LONG MỘC BÀI | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 39.438 |
| 246 | 1001287245 | 27/12/2017 | Công ty TNHH Baek San Techprene Việt Nam | NHÀ MÁY SẢN XUẤT TẤM ĐỆM CAO SU BAEK SAN VIỆT NAM. | 719.230 | 719.230 | 719.230 | 1.634.675 | 1.634.675 | 1.001.856 | 26 | 399 |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án | Tên dự án | Vốn thực hiện cộng dồn đến quý III năm 2019 (USD) | Thực hiện lũy kế từ đầu năm đến cuối năm 2019 | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Vốn thực hiện (USD) | Vốn từ nước ngoài (USD) | Doanh thu (USD) | Xuất khẩu (USD) | Nhập khẩu (USD) | Lao động (người) | Nộp ngân sách (USD) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 247 | 9933173000 | 08/03/2018 | Công ty TNHH Mihwa vina living | NHÀ MÁY SẢN XUẤT NHỰA GIA DỤNG MIHWA MỘC BÀI | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 52 | 10.076 |
| 248 | 2183375739 | 05/07/2018 | Công ty TNHH Sunjin Mộc Bài | NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHỈ MAY SUNJIN MỘC BÀI | | 0 | 0 | 0 | 0 | | | 15.819 |
| 249 | 4332001287 | 09/07/2018 | Công ty TNHH Shin Il Wire Cloth | DỰ ÁN SẢN XUẤT TẤM LƯỚI INOX SHIN IL | | 0 | 0 | 0 | 0 | | 3 | 1.092 |
| 250 | 2136400738 | 20/03/2019 | CÔNG TY TNHH C&H COLORS | NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI BỌC SPANDEX VÀ SỢI THUN MỘC BÀI | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | | 86 |
| 251 | 2187532898 | 23/04/2019 | CÔNG TY TNHH CHEUNG HA AUTO TECH VIỆT NAM | DỰ ÁN SẢN XUẤT TRỤC TRUYỀN ĐỘNG Ô TÔ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | | 0 |
| 252 | 7624087673 | 08/12/2019 | | DỰ ÁN SẢN XUẤT BÓNG ĐÁNH GOLF EAGLE | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | | 0 |
| 253 | 9922431778 | 11/10/2019 | | DỰ ÁN DỆT MAY JJL GLOBAL | | | | 0 | 0 | | | 0 |
| 254 | 6530188510 | 16/10/2019 | | DỰ ÁN SẢN XUẤT SỢI, VẢI DỆT KIM VÀ DỆT THOI FENQIANG VIỆT NAM | | | | 0 | 0 | | | 64 |
| 255 | 8784228970 | 18/12/2019 | | DỰ ÁN MAY MẶC JJL GLOBAL | | | | 0 | 0 | 0 | | 0 |
| 256 | 4366330075 | 31/01/1994 | Công ty Cổ phần Khoai mì Tây Ninh | CTY CP KHOAI MÌ TÂY NINH-NMSX TINH BỘT KHOAI MÌ, ĐƯỜNG GLUCOZA (MẠCH NHA), ĐƯỜNG FRUCTOSE, KẸO | 6.965.730 | | | 21.368.115 | 492.978 | 165.259 | 350 | 611.111 |
| 257 | 451023000333 | 12/01/1995 | Công ty TNHH DOUBLE JOHNSON INTERNATIONAL (VIỆT NAM ) | CÔNG TY TNHH DOUBLE JOHNSON INTERNATIONAL (VIỆT NAM ) -NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG VẢI VÀ QUẦN ÁO CÁC LOẠI | 5.135.746 | | | 269.846 | 83.565 | 0 | 7 | 158 |
| 258 | 451023000097 | 04/02/1997 | CÔNG TY TNHH THÀNH VI | CTY TNHH THÀNH VI-SX TINH BỘT SẮN CAO CẤP | 927.073 | | | 4.456.750 | 4.456.750 | 0 | 47 | 41.311 |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án | Tên dự án | Vốn thực hiện cộng dồn đến quý III năm 2019 (USD) | Thực hiện lũy kế từ đầu năm đến cuối năm 2019 | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Vốn thực hiện (USD) | Vốn từ nước ngoài (USD) | Doanh thu (USD) | Xuất khẩu (USD) | Nhập khẩu (USD) | Lao động (người) | Nộp ngân sách (USD) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 259 | 8758348351 | 06/01/1998 | Công ty TNHH Nông nghiệp Đại Xương Nguyên | HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT, CUNG CẤP GIỐNG CHO CÁC HỘ NÔNG DÂN TRỒNG, THU MUA HẠT GIỐNG | 1.729.900 | | | 281.490 | 223.198 | 0 | 11 | 2.364 |
| 260 | 451123000245 | 13/04/2012 | Công ty TNHH MTV Bioseed Việt Nam | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV BIOSEED VIỆT NAM TẠI TÂY NINH-DỰ ÁN NGHIÊN CỨU, SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG CÁC LOẠI HẠT GIỐNG LAI, GIỐNG THUẦN VÀ CÁC SẢN PHẨM ĐẦU VÀO CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP | 500.000 | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 261 | 451023000104 | 09/02/1999 | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP PENRO (VN) | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP PENRO (VN)-SX DÂY THỪNG, DÂY CÁP, DÂY ĐAI | 6.200.000 | | | 5.625.000 | 0 | 0 | 167 | 183.333 |
| 262 | 5475745516 | 09/03/2000 | Công ty TNHH Visarim Orume | CTY TNHH VISARIM ORUME-SXKDGC HÀNG MAY MẶC, DỆT LEN, THI CÔNG XD | 2.041.867 | | | 1.786.824 | 1.786.824 | 889.306 | 249 | 0 |
| 263 | 9803663026 | 12/09/2000 | CÔNG TY TNHH TAPIOCA VIỆT NAM | CÔNG TY TNHH TAPIOCA VIỆT NAM-NMSX KINH DOANH TINH BỘT KHOAI MÌ | 5.000.000 | | | 7.057.014 | 636.397 | 0 | 121 | 596.768 |
| 264 | 451043000106 | 20/08/2001 | Cty TNHH Nông nghiệp Hàn Việt | CTY TNHH NÔNG NGHIỆP HÀN VIỆT-TRỒNG CÂY CAO SU HÀN VIỆT | 1.733.578 | | | 93.750 | 0 | 0 | 94 | 0 |
| 265 | 451023000101 | 22/11/2001 | Cty TNHH Phát triển nông sản phẩm Trung Việt | CTY TNHH PHÁT TRIỂN NÔNG SẢN PHẨM TRUNG VIỆT-TRỒNG, KD CÂY ĂN QUẢ CÁC LOẠI CN GIA SÚC, GC,TS | 496.022 | | | 0 | 0 | 0 | 34 | 0 |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án | Tên dự án | Vốn thực hiện cộng dồn đến quý III năm 2019 (USD) | Thực hiện lũy kế từ đầu năm đến cuối năm 2019 | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Vốn thực hiện (USD) | Vốn từ nước ngoài (USD) | Doanh thu (USD) | Xuất khẩu (USD) | Nhập khẩu (USD) | Lao động (người) | Nộp ngân sách (USD) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 266 | 6555704141 | 12/05/2003 | Công ty TNHH VMC Hoàng Gia | CÔNG TY TNHH VMC HOÀNG GIA-NM SX KINH DOANH, GIA CÔNG MẶT GIÀY VÀ CÁC LOẠI GIÀY DÉP | 14.141.716 | | | 31.247.268 | 31.247.268 | 27.382.006 | 7.421 | 0 |
| 267 | 451023000081 | 29/04/2008 | CÔNG TY TNHH SĂM LỐP XE LIÊN PHÚC | CÔNG TY TNHH SĂM LỐP XE LIÊN PHÚC-SẢN XUẤT CÁC LOẠI SĂM, LỐP Ô TÔ, XE MÁY, XE ĐẠP VÀ KEO BÓ, KEO BỌC VẢI NYLON DÙNG LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT SĂM, LỐP XE CÁC LOẠI; SẢN XUẤT TALON ĐÃ ĐỊNH HÌNH, PHỦ KEO, KEO CÁC LOẠI, CHỈ MÀNH ĐÃ PHỦ KEO VÀ MINHO CÁC LOẠI. | 5.050.720 | | | 3.750.000 | 3.750.000 | 482.910 | 261 | 97 |
| 268 | 4326544756 | 20/01/2005 | Chi nhánh sản xuất tinh bột sắn Công ty TNHH Miwon Việt Nam tại Tây Ninh | CHI NHÁNH SẢN XUẤT TINH BỘT SẮN CÔNG TY TNHH MIWON VIỆT NAM TẠI TÂY NINH-NHÀ MÁY SẢN XUẤT TINH BỘT SẮN, TINH BỘT BIẾN TÍNH VÀ ĐƯỜNG, MẠCH NHA | 12.500.000 | | | 35.285.437 | 4.323.422 | 0 | 111 | 29.641 |
| 269 | 451043000078 | 14/02/2005 | CÔNG TY TNHH HAN AND YOUNG VIỆT NAM | CÔNG TY TNHH HAN AND YOUNG VIỆT NAM- SẢN XUẤT, KINH DOANH QUẦN ÁO, ÁO KHOÁC ĐI MÔ TÔ, ÁO KHOÁC NGOÀI, ÁO LEN CHẤT LƯỢNG CAO; QUẦN ÁO TỪ VẢI SỢI; SẢN XUẤT CÁC LOẠI MÁY MÓC TRONG NGÀNH DỆT MAY VÀ MAY MẶC; XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG | 6.152.220 | | | 625.000 | 625.000 | 3.871 | 217 | 0 |
| 270 | 9883768137 | 07/07/2005 | CÔNG TY TNHH TÂN THÀNH QUANG | CTY TNHH TÂN THÀNH QUANG-DỰ ÁN SX VÀ KD MẶT HÀNG BÌNH ĐIỆN | 444.957 | | | 344.150 | 344.150 | 226.776 | 16 | 0 |
| 271 | 451043000082 | 16/08/2005 | Công ty TNHH Đặc Rạng Việt Nam | CÔNG TY TNHH ĐẶC RẠNG VIỆT NAM-SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG ĐÈN NEON, CÁC SẢN PHẨM BẰNG CAO SU | 3.054.867 | | | 1.500.000 | 1.500.000 | 0 | 268 | 0 |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án | Tên dự án | Vốn thực hiện cộng dồn đến quý III năm 2019 (USD) | Thực hiện lũy kế từ đầu năm đến cuối năm 2019 | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Vốn thực hiện (USD) | Vốn từ nước ngoài (USD) | Doanh thu (USD) | Xuất khẩu (USD) | Nhập khẩu (USD) | Lao động (người) | Nộp ngân sách (USD) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 272 | 451043000076 | 25/08/2005 | Công ty TNHH Trường Hữu (Việt Nam) | CÔNG TY TNHH TRƯỜNG HỮU (VIỆT NAM)-SX BÁNH XE ĐẶC BẰNG NHỰA, CHẾ CHẾ PHẨM NHỰA, PHỤ KIỆN GIA DỤNG, GHẾ | 250.800 | | | 0 | 0 | 0 | 15 | 0 |
| 273 | 451043000075 | 02/11/2005 | Công ty TNHH Tân Phú | CÔNG TY TNHH TÂN PHÚ-SX, GC CÁC LOẠI BAO BÌ BẰNG GIẤY, NHỰA, ĐÈN CÀY, ĐỒ GỖ | 321.924 | | | 0 | 0 | 0 | 2 | 0 |
| 274 | 4368714220 | 16/03/2006 | CÔNG TY TNHH MAY MẶC SUMMIT VIỆT NAM | CTY TNHH MAY MẶC SUMMIT VIỆT NAM-NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG MAY MẶC | 421.791 | | | 9.181.759 | 9.181.759 | 2.442.722 | 295 | 0 |
| 275 | 451043000065 | 04/04/2006 | CÔNG TY TNHH TÂN PHÚ HƯNG | CTY TNHH TÂN PHÚ HƯNG-SẢN XUẤT, GIA CÔNG TÚI XÁCH NHỰA, GIẤY CÁC LOẠI, NHỰA CÁC LOẠI VÀ GIA CÔNG CÁC LOẠI SÁP, CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG | 170.000 | | | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 |
| 276 | 451043000001 | 12/09/2006 | CÔNG TY TNHH GENIE CANDLE MFG | CÔNG TY TNHH GENIE CANDLE MFG-SẢN XUẤT, GIA CÔNG ĐÈN CÀY (NẾN) CAO CẤP CÁC LOẠI | 1.140.256 | | | 1.750.000 | 1.750.000 | 1.575.635 | 26 | 0 |
| 277 | 6571524733 | 24/01/2007 | Cty TNHH một thành viên Bando Vina | CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BANDO VINA | 7.650.000 | | | 2.500.000 | 0 | 0 | 1.278 | 0 |
| 278 | 2117282303 | 25/04/2007 | CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ CONNECTOR | CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ CONNECTOR-N/M SX CÁC LINH KIỆN VÀ DÂY CÁP TRUYỀN THÔNG-XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC LINH KIỆN VÀ DÂY CÁP TRUYỀN THÔNG, DÂY CÁP | 3.695.765 | | | 375.000 | 375.000 | 32.426 | 31 | 182 |
| 279 | 451023000022 | 11/05/2007 | CÔNG TY TNHH MAY MẶC MINH CHÂU | CTY TNHH MAY MẶC MINH CHÂU | 400.000 | | | 250 | 0 | 0 | 106 | 0 |
| 280 | 9884345328 | 25/07/2007 | Cty TNHH dệt may Hòa Thành | CTY TNHH DỆT MAY HÒA THÀNH | 2.000.000 | | | 1.500.000 | 937.500 | 0 | 699 | 0 |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án | Tên dự án | Vốn thực hiện cộng dồn đến quý III năm 2019 (USD) | Thực hiện lũy kế từ đầu năm đến cuối năm 2019 | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Vốn thực hiện (USD) | Vốn từ nước ngoài (USD) | Doanh thu (USD) | Xuất khẩu (USD) | Nhập khẩu (USD) | Lao động (người) | Nộp ngân sách (USD) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 281 | 451043000036 | 06/08/2007 | CÔNG TY TNHH JA-IN | CÔNG TY TNHH JA-IN - TRỒNG CÂY CAO SU | 400.000 | | | 11.250 | 0 | 0 | 2 | 0 |
| 282 | 5431122624 | 17/03/2008 | CÔNG TY TNHH GLORYDAYS FASHION | CÔNG TY TNHH GLORYDAYS FASHION-NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG HÀNG MAY MẶC | 2.477.000 | | | 10.266.921 | 8.392.245 | 12.487.516 | 456 | 54.105 |
| 283 | 451023000066 | 21/03/2008 | Công ty TNHH Chang Minh | CÔNG TY TNHH CHANG MINH-SX VA GC CÁC LOẠI GIÀY | 1.473.188 | | | 25.000 | 0 | 0 | 1 | 0 |
| 284 | 9814740723 | 14/04/2008 | Công ty cổ phần Công nghiệp Federal Bay | CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP FEDERAL BAY- SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG DỤNG CỤ, ĐỒ DÙNG, TRANG THIẾT BỊ BẢO HỘ SỬ DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG THỂ DỤC, THỂ THAO | 10.000.000 | | | 2.500.000 | 0 | 0 | 571 | 0 |
| 285 | 4320281373 | 07/05/2008 | Công ty TNHH QL Vietnam Agroresources | CÔNG TY TNHH QL VIETNAM AGRORESOURCES | 23.479.256 | | | 7.500.000 | 748.700 | 600.000 | 335 | 0 |
| 286 | 7614106600 | 07/10/2008 | Công ty TNHH công nghiệp cao su An Cố | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP CAO SU AN CỐ | 16.932.376 | | | 25.000.000 | 25.000.000 | 19.686.814 | 566 | 0 |
| 287 | 9853305118 | 26/09/2008 | CÔNG TY TNHH VINA GIO | CTY TNHH VINA GIO-NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG TÚI XÁCH CÁC LOẠI, NÓN, GIÀY DÉP, VỎ BỌC TÚI GÔN | 4.050.000 | | | 7.700.000 | 7.700.000 | 4.200.000 | 1.056 | 14.294 |
| 288 | 451043000125 | 31/12/2008 | CÔNG TY TNHH TOP FIELD VIỆT NAM | CÔNG TY TNHH TOP FIELD VIỆT NAM-SẢN XUẤT, GIA CÔNG BẬT LỬA VÀ PHỤ KIỆN BẬT LỬA | 2.500.000 | | | 0 | 0 | 0 | 51 | 0 |
| 289 | 451043000126 | 31/12/2008 | CÔNG TY TNHH VĂN PHÒNG PHẨM HỮU KIÊN | CÔNG TY TNHH VĂN PHÒNG PHẨM HỮU KIÊN-NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG VĂN PHÒNG PHẨM CÁC LOẠI NHƯ TẬP, VIẾT | 1.500.000 | 457.458 | 457.458 | 63.968 | 0 | 0 | 25 | 5.615 |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án | Tên dự án | Vốn thực hiện cộng dồn đến quý III năm 2019 (USD) | Thực hiện lũy kế từ đầu năm đến cuối năm 2019 | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Vốn thực hiện (USD) | Vốn từ nước ngoài (USD) | Doanh thu (USD) | Xuất khẩu (USD) | Nhập khẩu (USD) | Lao động (người) | Nộp ngân sách (USD) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 290 | 451043000127 | 31/12/2008 | CÔNG TY TNHH NHẬT BẢN THÀNH | CÔNG TY TNHH NHẬT BẢN THÀNH-SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG DỤNG CỤ ĂN UỐNG CÁC LOẠI | 240.078 | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 291 | 451043000128 | 31/12/2008 | Công ty TNHH Sản xuất Tinh Tiêu | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TINH TIÊU- DỰ ÁN SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG CÁC LOẠI TÚI XÁCH, TRANG SỨC, MÙNG, RÈM, KHĂN, CHĂN, RA GỐI NỆM | 0 | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 292 | 451022000136 | 28/04/2009 | Công ty TNHH Fairy Park | CÔNG TY TNHH FAIRY PARK (VIỆT NAM)-DỰ ÁN ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ NGHĨA TRANG | 3.539.432 | | | 0 | 0 | 0 | 35 | 0 |
| 293 | 5441476322 | 18/06/2009 | Công ty TNHH Rals Quốc tế Việt Nam Chi nhánh Tây Ninh | CÔNG TY TNHH RALS QUỐC TẾ VN CHI NHÁNH TÂY NINH-NHÀ MÁY CHẾ BIẾN HẠT ĐIỀU | 10.000.000 | | | 0 | 0 | 0 | 1.500 | 0 |
| 294 | 1091844581 | 19/06/2009 | Công ty TNHH UWC Việt Nam | CÔNG TY TNHH UWC VIỆT NAM- DỰ ÁN CÔNG TY TNHH UWC VIỆT NAM | 1.056.000 | | | 700.000 | 0 | 0 | 83 | 0 |
| 295 | 7604688261 | 25/12/2009 | CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN CHẤN XƯƠNG | CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN CHẤN XƯƠNG - DỰ ÁN TRẠI SẢN XUẤT, MUA BÁN NẤM VÀ CÁC LOẠI GIỐNG NẤM | 1.000.000 | | | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 |
| 296 | 451022000163 | 31/12/2009 | Công ty TNHH Biogas Rhodia Nước Trong | CÔNG TY TNHH BIOGAS RHODIA NƯỚC TRONG-DỰ ÁN BIOGAS RHODIA NƯỚC TRONG | 2.069.048 | | | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 |
| 297 | 451043000174 | 24/03/2010 | Công ty TNHH Gia Dương-SẢN XUẤT KINH DOANH, GIA CÔNG VÀ THỰC HIỆN QUYỀN XUẤT KHẨU SẢN PHẨM NHỰA CÁC LOẠI, MÀNG NHỰA | CÔNG TY TNHH GIA DƯƠNG-SẢN XUẤT KINH DOANH THỰC HIỆN QUYỀN XUẤT KHẨU SẢN PHẨM NHỰA CÁC LOẠI, MÀNG NHỰA | 73.779 | | | 0 | 0 | 0 | | 0 |
| 298 | 3260001577 | 26/03/2010 | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HÀO HẢI VIỆT NAM | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ HÀO HẢI VIỆT NAM- NHÀ MÁY CHẾ BIẾN MỦ CAO SU | 500.000 | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án | Tên dự án | Vốn thực hiện cộng dồn đến quý III năm 2019 (USD) | Thực hiện lũy kế từ đầu năm đến cuối năm 2019 | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Vốn thực hiện (USD) | Vốn từ nước ngoài (USD) | Doanh thu (USD) | Xuất khẩu (USD) | Nhập khẩu (USD) | Lao động (người) | Nộp ngân sách (USD) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 299 | 9870922465 | 14/07/2010 | Cty TNHH Highvina Apparel | CÔNG TY TNHH HIGHVINA APPAREL-NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÀNG MAY MẶC | 6.250.000 | | | 3.750.000 | 3.750.000 | 0 | 1.357 | 0 |
| 300 | 8783337386 | 17/01/2011 | Công ty TNHH Dệt May nội thất ánh mặt trời Việt Nam | CÔNG TY TNHH DỆT MAY NỘI THẤT ÁNH MẶT TRỜI VIỆT NAM- SẢN XUẤT GIA CÔNG RÈM, MÀN CỬA, CHĂN, MÀN CÁC LOẠI | 950.907 | 500.000 | 500.000 | 1.500.000 | 8.127.625 | 5.046.602 | 128 | 10.903 |
| 301 | 9837149784 | 15/04/2011 | Công ty TNHH Can Sports Việt Nam | CÔNG TY TNHH CAN SPORTS VIỆT NAM-SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG GIÀY THỂ THAO, ĐẾ GIÀY, BAO TAY, BANH CÁC LOẠI | 63.000.000 | | | 102.567.060 | 102.567.060 | 33.164.756 | 10.018 | 1.023.148 |
| 302 | 5460841665 | 25/08/2011 | Công ty TNHH Cao su Việt Nam - Malaysia | CÔNG TY TNHH CAO SU VIỆT NAM - MALAYSIA - DỰ ÁN SẢN XUẤT BONG BÓNG CÁC LOẠI | 445.682 | | | 0 | 0 | 0 | 2 | 0 |
| 303 | 5436136861 | 04/06/2012 | CÔNG TY TNHH XIN CHANG HUA | CÔNG TY TNHH XIN CHANG HUA--SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG TEM TRONG NGÀNH MAY MẶC | 1.312.019 | | | 187.500 | 0 | 0 | 74 | 0 |
| 304 | 6570057121 | 30/10/2012 | Công ty TNHH NẾN KIM DUNG | CÔNG TY TNHH NẾN KIM DUNG- SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG NẾN (ĐÈN CÂY) CÁC LOẠI | 300.000 | | | 137.500 | 0 | 0 | 29 | 0 |
| 305 | 451043000267 | 18/07/2013 | Công ty TNHH Genie Fantasy (Việt Nam) | CÔNG TY TNHH GENIE FANTASY (VIỆT NAM)- DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG SẢN PHẨM CÀI TÓC, KẸP TÓC CÁC LOẠI | 500.000 | | | 167.336 | 1.371.244 | 0 | 17 | 0 |
| 306 | 451143000272 | 24/09/2013 | Chi nhánh Công ty TNHH Jollibee tại Tây Ninh | CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH JOLLIBEE TẠI TÂY NINH | 200.000 | | | 427.321 | 0 | 0 | 20 | 29.561 |
| 307 | 3210281996 | 05/11/2013 | Công ty TNHH Shang Jia Việt Nam | CÔNG TY TNHH SHANG JIA VIỆT NAM- DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC LOẠI SẢN PHẨM BẰNG NHỰA | 530.000 | | | 150.000 | 0 | 0 | 82 | 0 |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án | Tên dự án | Vốn thực hiện cộng dồn đến quý III năm 2019 (USD) | Thực hiện lũy kế từ đầu năm đến cuối năm 2019 | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Vốn thực hiện (USD) | Vốn từ nước ngoài (USD) | Doanh thu (USD) | Xuất khẩu (USD) | Nhập khẩu (USD) | Lao động (người) | Nộp ngân sách (USD) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 308 | 1014254336 | 17/01/2014 | Cty TNHH Lyon Garment | CÔNG TY TNHH LYON GARMENT- DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG CÁC SẢN PHẨM MAY MẶC | 543.099 | | | 6.526.145 | 6.526.145 | 2.038.686 | 321 | 0 |
| 309 | 451043000285 | 03/04/2014 | Cty TNHH Proud Wealth (VN) Packing | CTY TNHH PROUD WEALTH (VN) PACKING-DỰ ÁN SẢN XUẤT, GIA CÔNG CÁC LOẠI BAO BÌ BẰNG GIẤY, NHỰA; CÁC LOẠI NGŨ KIM; CÁC LOẠI SÁP, ĐÈN CÀY | 177.252 | | | 292.075 | 292.075 | 0 | 17 | 0 |
| 310 | 7626288303 | 17/10/2014 | Cty TNHH Hui Chin (Nhà máy sản xuất và gia công các sản phẩm bao bì Hui Chin) | CTY TNHH HUI CHIN (NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIA CÔNG BAO BÌ HUI CHIN) | 2.977.834 | 1.658.000 | 1.658.000 | 5.000.000 | 5.000.000 | 1.802.104 | 178 | 0 |
| 311 | 5480888604 | 12/01/2016 | CÔNG TY TNHH MTV TS FARM VIỆT NAM | TRANG TRẠI RAU, QUẢ SẠCH THEO TIÊU CHUẨN VIETGAP VÀ CHĂN NUÔI AN TOÀN SINH HỌC | 1.678.000 | 1.500.000 | 1.500.000 | 0 | 0 | 0 | 20 | 0 |
| 312 | 2185186015 | 12/04/2016 | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI BROTEX (VIỆT NAM) | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI BROTEX (VIỆT NAM) | 1.000.000 | | | 1.250.000 | 0 | 0 | 10 | 0 |
| 313 | 5485158067 | 24/05/2017 | CÔNG TY TNHH RIKSA GLOBAL BUSINESS | CHẾ BIẾN VỎ HẠT ĐIỀU | 142.000 | | | 0 | 0 | 0 | 10 | 0 |
| 314 | 3288866570 | 22/05/2017 | Công ty TNHH LOTTECINEMA Việt Nam | LOTTECINEMA TÂY NINH | 300.000 | | | 375.000 | 0 | 0 | 30 | 0 |
| 315 | 6577150425 | 14/06/2017 | Công ty TNHH Thương mại Rise Sun (Việt Nam) | DỰ ÁN THƯƠNG MẠI RISE SUN (VIỆT NAM) | 100.000 | 0 | 0 | 563 | 0 | 0 | 1 | 0 |
| 316 | 5438741068 | 21/03/2018 | CÔNG TY TNHH QL FARMS (TÂY NINH) | CÔNG TY TNHH QL FARMS (TÂY NINH) | | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 317 | 3218052660 | 19/08/2015 | CÔNG TY TNHH MAY MẶC POWER VIỆT NAM | NHÀ XƯỞNG MAY MẶC POWER VIỆT NAM | 338.860 | 100.000 | 100.000 | 0 | 0 | 0 | 64 | 0 |
| 318 | 8794378375 | 12/11/2018 | CÔNG TY TNHH CJ CGV VIỆT NAM | CÔNG TY TNHH CJ CGV VIỆT NAM – CHI NHÁNH TÂY NINH | 800.000 | 800.000 | 800.000 | 577.104 | 0 | 4.544 | 20 | 528 |
| 319 | 4337175256 | 13/12/2018 | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP EVERGREEN TREE (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐÈN CÀY EVERGREEN TREE (VIỆT NAM) | | | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án | Tên dự án | Vốn thực hiện cộng dồn đến quý III năm 2019 (USD) | Thực hiện lũy kế từ đầu năm đến cuối năm 2019 | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Vốn thực hiện (USD) | Vốn từ nước ngoài (USD) | Doanh thu (USD) | Xuất khẩu (USD) | Nhập khẩu (USD) | Lao động (người) | Nộp ngân sách (USD) |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 320 | 5453873718 | 19/04/2019 | CÔNG TY TNHH LU THAI (TÂN CHÂU) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI LU THAI (TÂN CHÂU) | | | | 0 | 0 | 0 | 150 | 0 |
| **Tổng** | | | | | **3.574.011.080** | **430.204.668** | **337.294.759** | **4.045.155.141** | **4.549.114.587** | **2.987.656.489** | **150.558** | **41.742.420** |

**UBND tỉnh Tây Ninh**
Ngày báo cáo: Ngày 14/02/2020

**Nơi nhận:** Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Đầu tư nước ngoài)
(Fax: 024-3734 3769; e-mail: tonghop.dtnn@mpi.gov.vn)

# BIỂU 8: TÌNH HÌNH GIÃN TIẾN ĐỘ, TẠM DỪNG, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI NĂM 2019

*Từ ngày 1/1/2019 đến 31/12/2019*

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên doanh nghiệp | Tên dự án | Vốn đầu tư đăng ký (USD) | Số QĐ/công văn | Ngày QĐ/công văn | Ghi chú (nguyên nhân tạm dừng, giãn tiến độ, chấm dứt hoạt động; tiến độ thanh lý) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *8* | *9* | *10* |
| **I. GIÃN TIẾN ĐỘ** | | | | | | | | |
| 1 | 2102716381 | 22/04/2013 | Công ty TNHH Young Il Việt Nam | Nhà máy sản xuất và gia công các loại da, giả da | 50.000.000 | 04/QĐ-BQLKKT | 11/01/2019 | Phải chạy thử nghiệm, kiểm tra máy móc thiết bị hoạt động và nghiệm thu công trình |
| 2 | 9833378051 | 08/10/2018 | Công ty TNHH Transasia Tantec | Nhà máy sản xuất da Transasia | 59.000.000 | 11/QĐ-BQLKKT | 22/01/2019 | Huy động không kịp vốn |
| 3 | 2172293038 | 17/10/2017 | Công ty TNHH NPP Power (Việt Nam) | Nhà máy NPP Power (Việt Nam) | 25.000.000 | 17/QĐ-BQLKKT | 29/01/2019 | Huy động không kịp vốn |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên doanh nghiệp | Tên dự án | Vốn đầu tư đăng ký (USD) | Số QĐ/công văn | Ngày QĐ/công văn | Ghi chú (nguyên nhân tạm dừng, giãn tiến độ, chấm dứt hoạt động; tiến độ thanh lý) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | 6549079520 | 03/12/2018 | Công ty TNHH Hong Sheng Da (Việt Nam) | Nhà máy sản xuất và gia công sản phẩm ngũ kim Hong Sheng Da (Việt Nam) | 1.000.000 | 46/QĐ-BQLKKT | 10/04/2019 | Huy động không kịp vốn |
| 5 | 6549079520 | 03/12/2018 | Công ty TNHH Hong Sheng Da (Việt Nam) | Nhà máy sản xuất và gia công sản phẩm ngũ kim Hong Sheng Da (Việt Nam) | 1.000.000 | 54/QĐ-BQLKKT | 04/05/2019 | Phải chạy thử nghiệm, kiểm tra máy móc thiết bị hoạt động và nghiệm thu công trình |
| 6 | 5449994793 | 14/01/2018 | Công ty TNHH Lixin Textiles (Việt Nam) | Nhà máy dệt Lixin Việt Nam | 8.000.000 | 56/QĐ-BQLKKT | 08/05/2019 | Huy động không kịp vốn |
| 7 | 8771663315 | 28/01/2019 | Công ty TMHH MTV Gỗ Shang He Việt Nam | Nhà máy sản xuất, gia công gỗ Shang He Việt Nam | 10.000.000 | 57/QĐ-BQLKKT | 10/05/2019 | Huy động không kịp vốn |
| 8 | 9893492802 | 29/01/2019 | Công ty TNHH Sản phẩm Kim loại Huishan VN | Dự án Công ty TNHH sản phẩm kim loại Huishan (Việt Nam) | 500.000 | 80/QĐ-BQLKKT | 08/07/2019 | Huy động không kịp vốn |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên doanh nghiệp | Tên dự án | Vốn đầu tư đăng ký (USD) | Số QĐ/công văn | Ngày QĐ/công văn | Ghi chú (nguyên nhân tạm dừng, giãn tiến độ, chấm dứt hoạt động; tiến độ thanh lý) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | 9870413745 | 09/04/2019 | Công ty TNHH Dây cáp điện ICF (Việt Nam) | Nhà máy sản xuất, gia công dây & cáp điện ICF (Việt Nam) | 5.000.000 | 82/QĐ-BQLKKT | 16/07/2019 | Huy động không kịp vốn |
| 10 | 1077788025 | 03/04/2019 | Công ty TNHH Shenghong Textile Việt Nam | Nhà máy sản xuất vải Shenghong Textile Việt Nam | 3.000.000 | 106/QĐ-BQLKKT | 27/08/2019 | Do quá trình chuyển vốn ngân hàng có thu phí nên số tiền thực nhận thực hiện dự án còn thiếu 175 usd |
| 11 | 6561191174 | 13/06/2019 | Công ty TNHH Kaifuda Việt Nam | Nhà máy sản xuất thùng Carton và Pallet Kaifuda Việt Nam | 3.750.000 | 140/QĐ-BQLKKT | 18/11/2019 | Huy động không kịp vốn |
| **Tổng** | | | | | **166.250.000** | | | |
| **II. TẠM DỪNG HOẠT ĐỘNG** | | | | | | | | |
| | Không có | | | | | | | |
| **Tổng** | | | | | | | | |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên doanh nghiệp | Tên dự án | Vốn đầu tư đăng ký (USD) | Số QĐ/công văn | Ngày QĐ/công văn | Ghi chú (nguyên nhân tạm dừng, giãn tiến độ, chấm dứt hoạt động; tiến độ thanh lý) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **III. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ** | | | | | | | | |
| 1 | 2150173744 | 04/10/2016 | Công ty TNHH Shoji Kougyo Việt Nam | Nhà xưởng gia công cơ khí Shoji Kougyo Việt Nam | 400.000 | 29/QĐ-BQLKKT | 28/02/2019 | Nhà đầu tư không còn nhu cầu sản xuất, kinh doanh |
| 2 | 3246274351 | 26/06/2008 | Công ty TNHH SX Bật lửa Cherry year | Nhà máy sản xuất, gia công bật lửa Cherry Year Việt Nam | 2.700.000 | 55/QĐ-BQLKKT | 06/05/2019 | Nhà đầu tư không còn địa diểm thực hiện dự án và hết thời hạn hoạt động dự án |
| 3 | 8717391630 | 08/01/2018 | | DỰ ÁN SẢN XUẤT SỢI MÀU TẠI TỈNH TÂY NINH | 7.224.630 | 95/QĐ-BQLKKT | 09/08/2019 | Chấm dứt theo quyết định của nhà đầu tư |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên doanh nghiệp | Tên dự án | Vốn đầu tư đăng ký (USD) | Số QĐ/công văn | Ngày QĐ/công văn | Ghi chú (nguyên nhân tạm dừng, giãn tiến độ, chấm dứt hoạt động; tiến độ thanh lý) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | 452043000306 | 02/04/2014 | CÔNG TY TNHH FAVOR PROSPEROUS VIỆT NAM. | CÔNG TY TNHH FAVOR PROSPEROUS VIỆT NAM. | 1.000.000 | 120/QĐ-BQLKKT | 30/09/2019 | Sau 12 tháng nhà đầu tư Favor Prosperous Co., Ltd không thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký tại giấy chứng nhận đầu tư đã cấp và không thực hiện thủ tục giãn tiến độ thực hiện dự án quy định (Vi phạm tại điểm g, khoản 1 điều 48, Luật đầu tư 2014) |

| TT | Mã số dự án | Ngày cấp | Tên doanh nghiệp | Tên dự án | Vốn đầu tư đăng ký (USD) | Số QĐ/công văn | Ngày QĐ/công văn | Ghi chú (nguyên nhân tạm dừng, giãn tiến độ, chấm dứt hoạt động; tiến độ thanh lý) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | 1088280355 | 25/11/2016 | Công ty TNHH MTV Marone | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MARONE – TRUNG TÂM MUA SẮM GIẢI TRÍ AUCHAN TÂY NINH | 3.000.000 | 366/QĐ-SKHĐT | 10/12/2019 | Chấm dứt theo quyết định của nhà đầu tư |
| 6 | 452023000152 | 09/08/2010 | CÔNG TY TNHH CAO SU & NHỰA YONGJIN (VIỆT NAM) | NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG CÁC SẢN PHẨM TỪ CAO SU BÁN THÀNH PHẨM ĐÃ QUA SƠ CHẾ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ PLASTIC. | 1.000.000 | 152/QĐ-BQLKKT | 20/12/2019 | Nhà đầu tư quyết định không tiếp tục triển khai và chấm dứt hoạt động dự án trước thời hạn. |
| **Tổng** | | | | | **15.324.630** | | | |

**UBND tỉnh Tây Ninh**
Ngày báo cáo: ngày 14/2/2020

**Nơi nhận:** Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Đầu tư nước ngoài)
(Fax: 04-3734 3769; e-mail: tonghop.dtnn@mpi.gov.vn)

## BIỂU 9: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI ĐANG TÌM HIỂU CƠ HỘI ĐẦU TƯ NĂM 2020

| TT | Tên nhà đầu tư | Nước đăng ký | Tên dự án | Vốn đăng ký | Lĩnh vực hoạt động | Địa điểm | Diện tích đất | Đánh giá sơ bộ | Đề xuất |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| 1 | Nhà đầu tư Trung Quốc | Trung Quốc | Nhà máy sản xuất lốp xe radian Jinyu (Việt Nam) Tire | 30.000.000 | Sản xuất lốp xe radian | KCN Phước Đông | 400.000 | Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư | Nhà đầu tư cơ bản thống nhất với Công ty hạ tầng thực hiện đầu tư năm 2019 |
| 2 | Nhà đầu tư Trung Quốc | Trung Quốc | Nhà máy sản xuất hàng may mặc | 4.000.000 | May mặc | KCN Thành Thành Công | 35.000 | Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư | Nhà đầu tư cơ bản thống nhất với Công ty hạ tầng thực hiện đầu tư năm 2020 |
| | **Tổng số** | | | **34.000.000** | | | **435.000** | | |